

Tùng Giác biên tập

MẠT ĐĂNG SAO

末燈鈔

22 LÁ THƯ CỦA THÂN LOAN THÁNH NHÂN
GỎI CHO ĐỆ TỬ

Quảng Minh dịch chú

DẪN NHẬP

Mạt Đăng Sao (末燈抄), “Ngọn đèn cho thời đại Mạt pháp”, 1 quyển, do ngài Tùng Giác (從覺), vị tăng Nhật Bản biên soạn, được thu vào Đại Chánh Tạng tập 83, No. 2659. Nội dung sách này thu chép lại những thư tín của Thân Loan Thánh nhân, tỏ khai sáng Chân tông Nhật Bản, viết cho các đệ tử của mình ở vùng Kanto trước khi ông trở về Kyoto. Toàn sách gồm có 22 mục: Hữu niệm và vô niệm, Tự lực và tha lực, Ngang hàng với Di Lặc, Ngang bằng chư Như Lai, Tự nhiên pháp nhĩ, Phàm ngu vãng sanh, Đẳng đồng chư Phật, Ngũ chủng thuyết đẳng, Nguyên danh đồng nhất, Nên tin Phật trí, Tín hành nhất niệm, Niệm Phật sanh Báo độ, Nhiếp thủ bất xả, Thắc mắc của Khánh Hỷ Phòng, Bằng với chư Như Lai, Cẩn thận chớ phóng dật, Tự lực trong tha lực, Ngang hàng với chư Phật và không lai nghinh, Chớ mặc kệ tâm mình, Cẩn thận với tam độc, Vãng tướng hồi hướng, Phi hành phi thiện. Chúng bao gồm các câu hỏi của các đệ tử và các pháp ngữ của Thánh nhân, cũng như thư cảm ơn các đệ tử vì lòng tốt của họ. Qua cuốn sách này, chúng ta có thể suy ra những vấn đề giáo lý nào đã tồn tại giữa các đệ tử ở vùng Kanto. Thí dụ như những giải thích về danh hiệu và bản nguyện đồng nhất qua câu kinh “Ngang bằng chư Như Lai”, và những lời chỉ trích gay gắt về dị thuyết “Tạo ác không bị trở ngại”.

Thân Loan đã dừng công việc truyền giáo kéo dài 20 năm của mình ở Kanto và trở về Kyoto vào khoảng năm 1234. Sau đó, ông vẫn giữ liên lạc chặt chẽ với các đệ tử của mình, chủ yếu là qua trao đổi thư từ. Vào tháng 4 năm 1333, con thứ 2 của Giác Như, cháu của Thân Loan là Tùng Giác đã thu thập 22 lá thư và pháp ngữ của Thân Loan nằm rải rác ở nhiều nơi khác nhau và sắp xếp chúng thành tác phẩm gồm hai tập. Bộ sưu tập những lá thư của Thân Loan, ban đầu được biên tập bởi đệ tử của ông là Thiện Tánh (善性) ở Phạn Chiếu (Iinuma), Thường Lục

(Hitachi), đặt tựa là “Ngự Tiêu Tức Tập” (御消息集), Chuyên Tu Tự ở Cao Điền tàng bản. Sau đó có Hiền Trí (顯智) ở Cao Điền (Takada), Hạ Dã (Shimotsuke) biên soạn “Ngũ Quyển Thư” (五卷書), Chuyên Tu Tự ở Cao Điền tàng bản. Các môn đồ ở vùng Hoàn Tăng Căn (Yokosone) thuộc Hạ Tổng (Shimosa) biên soạn “Huyết Mạch Văn Tập” (血脈文集). Ngoài ra còn có “Thân Loan Thánh Nhân Ngự Tiêu Tức Tập” (親鸞聖人御消息集), Diệu Nguyên Tự ở Ái Tri (Aichi) tàng bản, không rõ người biên tập. Tuy nhiên, tất cả đều là tuyển tập thư tín về các đệ tử đặc biệt hoặc các vấn đề đặc thù. Mặc dù cuốn sách này được chỉnh sửa lần cuối nhưng nó chứa một số lượng lớn các lá thư và bao gồm nhiều chủ đề khác nhau, và được lưu hành rộng rãi như một bộ sưu tập đầy đủ các lá thư của Thân Loan. Bản sao đầu tiên đã bị phá hủy trong một vụ binh lửa năm 1336 (Diên Nguyên 1, Kiến Vũ 3), và Tùng Giác đã biên tập lại bản sao này hai năm sau đó từ một bản chép tay.

Tùng Giác là vị Tăng Tịnh độ Chân tông ở thời đại Kiềm Thương và thời đại Nam Bắc Triều, húy Từ Tuấn (慈俊). Cha của ông là Giác Như (覺如), trụ trì Đại Cốc Bản Nguyên Tự, môn thủ đời thứ 3 Chân tông Đại Cốc phái, tông chủ đời thứ 3 Tịnh độ Chân tông Bản Nguyên Tự phái. Anh của ông là Tồn Giác (存覺), pháp chủ đời thứ 4 Chân tông Mộc Biên phái. Ông là cháu của Nhật Dã Tuấn Quang (日野俊光, Hino Toshimitsu).

Năm 1331, ông kết hôn với Mai (Ume) và vào tháng 2 năm 1333, con trai cả Thiện Như (善如) chào đời, sau này là trụ trì đời thứ 4 Bản Nguyên Tự. Sau đó, vào ngày 25 tháng 4, ông đã hoàn thành Mạt Đăng Sao, một tuyển tập gồm hai tập về các pháp thoại của Shinran, bằng cách thu thập 22 lá thư của Thân Loan bị bỏ lại ở nhiều nơi khác nhau ở Nhật Bản. Anh trai của ông, Tồn Giác, có xu hướng

không coi trọng Thân Loan, nhưng Tùng Giác, giống như cha mình, Giác Như, lại rất coi trọng Thân Loan.

Hai năm trước, Giác Như đã hoàn thành “Khẩu Truyền Sao”, một cuốn sách được viết bởi Thân Loan và Như Tín, những người được coi là thế hệ thứ hai của Bản Nguyên Tự, người mà ông đã kế thừa dòng truyền thừa Pháp,

Vào năm Nguyên Đức thứ 3 (1331), Giác Như đã hoàn thành cuốn Khẩu Truyền Sao (口傳鈔) của mình, trong đó mô tả sự kế thừa pháp mạch từ Thân Loan và Như Tín - thế hệ thứ 2 của Bản Nguyên Tự. Năm Nguyên Hoằng thứ 2/năm Chánh Khánh thứ nhất (1332), lễ húy kỵ pháp yếu lần thứ 33 của Như Tín được thực hiện bởi Giác Như. Chính trong bối cảnh này mà Mạt Đăng Sao đã được chế tác.

Nhìn chung, Mạt Đăng Sao cung cấp cái nhìn sâu sắc về tín tâm của Thân Loan trong những năm cuối đời, cũng như thái độ của ngài với tư cách là một đạo sư và thái độ của các đệ tử đối với đức tin của họ.

San Francico, 20/8/2024

Phật tử Quảng Minh kính ghi

Nhân mùa Vu Lan

Tưởng nhớ về Mẹ

Thương nghĩ đến Cha

Nguyên đem công đức

Dịch Mạt Đăng Sao

Báo đáp ân đức

Từ ái nuôi dưỡng

Của cha của mẹ.

Hồi hương song thân

Phước lạc vô cùng

Đời đời được gặp

Phật A Di Đà.

MẠT ĐĂNG SAO

末燈鈔

No. 2659

(1) Hữu niệm và vô niệm

Mối quan tâm chính của hành giả tự lực tu tập chư hành vãng sanh¹ là được Đức Phật A Di Đà lai nghinh tiếp dẫn lúc lâm chung. Họ chưa có được tín tâm chân thật nên mới quan tâm như vậy. Những người phạm tội ngũ nghịch, thập ác mà được một vị thiện tri thức khuyến bảo họ niệm Phật vào giờ phút sắp chết cũng có thể được Đức Phật A Di Đà lai nghinh tiếp dẫn.

Những hành giả có tín tâm chân thật thì an trú địa vị Chánh định tự, vì đã được Đức Phật A Di Đà “nhiếp thủ bất xả”. Họ không cần chờ đợi lúc lâm chung, không phải trông cậy Đức Phật A Di Đà đến rước nữa. Một khi tín tâm được xác định thì sự vãng sanh được xác định, và như vậy hành giả không cần những nghi thức cho sự lai nghinh của Thánh chúng.

¹ Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập (選擇本願念佛集), No. 2608, tr. 4a21: “Bàn đến các hành vãng sanh, có thể chia làm hai hành, điều này không chỉ có ngài Thiện Đạo, mà ngài Đạo Xước cũng có cùng quan điểm, tức là công hạnh vãng sinh tuy nhiều, gom lại còn hai: một là, niệm Phật vãng sanh”; hai là, vạn hạnh vãng sanh. Còn theo ý của thiền sư Hoài Cẩm, các hành vãng sanh tuy nhiều, cũng chỉ có hai: một là, niệm Phật vãng sanh”; hai là, vạn hạnh vãng sanh. Như vậy, cả ba ngài đều lập hai hành để bao quát các hành vãng sanh.” Duy Tín Sao: “Chư hành vãng sanh: hoặc hiếu thuận với cha mẹ, hoặc phụng sự Sư trưởng, hoặc giữ 5 giới, 8 giới, hoặc hành bố thí, nhẫn nhục, cho đến, hồi hướng Tam mật và hạnh Nhất thừa, cầu nguyện vãng sanh Tịnh độ. Những hành nghiệp như thế chẳng phải không thể vãng sanh. Tất cả thực hành đều là thực hành của Tịnh độ vậy. Nhưng những hành nghiệp này là chính mình gắng sức thực hành để cầu vãng sanh Cực lạc, nên gọi là Tự lực vãng sanh. Nếu hành nghiệp sơ sài thì khó được vãng sanh, vì không khế hợp với bản nguyện của Đức Phật A Di Đà nên họ không được quang minh 'nhiếp thủ' soi chiếu.”

Chánh niệm là sự tín lạc hoàn toàn vào bản nguyện hoàng thệ. Do có được tín tâm này mà một người nhất định đạt được Vô thượng Niết bàn. Tín tâm chính Nhất tâm. Nhất tâm là Kim cương tâm. Kim cương tâm là Đại bồ đề tâm, và đây là tha lực trong tha lực.²

Ngoài ra, có hai loại chánh niệm: một là, chánh niệm của hành giả định tâm (định thiện); hai là, chánh niệm của hành giả tán tâm (tán thiện). Cả hai loại chánh niệm này đều là tự lực chánh niệm trong tha lực. Định thiện và tán thiện³ đều liên quan đến chư hành vãng sanh. Hai thiện ấy là tự lực thiện trong tha lực.

Những hành giả tự lực này sẽ không thể vãng sanh, dù là ở biên địa hay thai sanh⁴, Giải mạn giới⁵, nếu không có sự lai nghinh của Đức Phật. Vì vậy, trong thệ nguyện thứ 19⁶, Đức Phật A Di Đà nguyện rằng vào lúc lâm chung của một người muốn sanh về Tịnh độ bằng cách hồi hướng mọi thiện hành của mình, Đức Phật A

² Cả Pháp Nhiên và Thân Loan đều có chung niềm tin rằng sự cứu độ dựa trên tha lực, cụ thể là bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Sự khác biệt giữa tha lực của Pháp Nhiên và tha lực tuyệt đối của Thân Loan đó là, tha lực của Pháp Nhiên vẫn mang yếu tố tự lực, thông qua việc chuyên tu niệm Phật; còn lý thuyết về tha lực tuyệt đối của Thân Loan, đệ tử của Pháp Nhiên, là tha lực trong tha lực, chính là sức mạnh của tâm từ bi của Đức Phật A Di Đà.

³ Định thiện là lắng tâm dứt trừ các ý niệm tạp nhạp. Tán thiện là đoạn diệt điều ác tu các hạnh lành. Đây là 2 loại thiện do ngài Thiện đạo chủ trương để cầu vãng sanh Tịnh độ. Trong 16 pháp quán như Thủy quán, Bảo thọ quán, Tượng quán, Phổ quán, Tạp tưởng quán v.v... nói trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, thì ngài Thiện Đạo cho rằng 13 pháp quán trước là dùng định tâm quán tưởng về y báo, chánh báo của cõi Tịnh độ, cho nên gọi là Định thiện. Còn ba pháp quán sau (thượng bối quán, trung bối quán, hạ bối quán) là dùng tán tâm tu tập các hạnh 3 phúc, 9 phẩm, cho nên gọi là Tán thiện. Định thiện và Tán thiện là nhân của sự vãng sanh, thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà là thắng duyên của sự vãng sanh. Khi nhân và duyên hòa hợp thì được quả vãng sanh.

⁴ Ngoài Tam bối vãng sanh và Cửu phẩm vãng sanh còn có một tình huống khác được gọi là biên địa vãng sanh hay nghi thành vãng sanh, cũng có thể được gọi là thai sanh. Chúng ta khi mới đến thế giới Cực Lạc không thể được nhìn thấy Phật ngay, mà chỉ có thể chờ đợi trong hoa sen, sau 500 năm sau, hoa sen mới nở ra, sau một khoảng thời gian sám hối dài mới có thể được nhìn thấy Phật. Loại này tương tự như những con người ở vùng biên giới xa xôi không có Phật pháp, được gọi là biên địa vãng sanh. Do vậy, họ bắt đầu nảy sinh sự hoài nghi đối với Phật pháp, nên còn được gọi là nghi thành vãng sanh.

⁵ Giải mạn giới nói trong kinh Bồ Tát Xử Thai, quyển 3, thì là nơi của những người tu muốn hạnh lành được sinh đến, đúng với điều nguyện thứ 19 của đức Phật A Di Đà. Giải mạn quốc (懈慢國), hay còn gọi là Giải mạn giới (懈慢界), cõi này nằm giữa cõi Ta Bà và Cực Lạc. Sinh vào nước này thì đắm nhiễm vào sự khoái lạc trong đó, nên lại khởi lên tâm kiêu mạn, giải đãi, chẳng chịu tiến tu để sanh lên Cực Lạc nên gọi là Giải mạn quốc. Như kinh Bồ Tát Xử Thai chép: "Ở phương Tây, cách cõi Diêm phù đề này mười hai ức na-do-tha, có Giải mạn giới. Quốc độ ấy khoái lạc... Chúng sanh phát ý trước sau muốn sanh về A Di Đà Phật quốc, nhưng đều đắm nhiễm sâu nặng Giải mạn quốc, chẳng thể tiến lên sanh về A Di Đà Phật quốc. Trong ức ngàn vạn chúng mới có một người có thể sanh về A Di Đà Phật quốc. Vì sao? Đều vì lười biếng, kiêu mạn, chấp trước, tâm chẳng kiên cố."

⁶ Nguyện thứ 19: "Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát tâm Bồ đề tâm, tu các công đức chí tâm phát nguyện muốn sinh về nước tôi. Lúc họ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác."

Di Đà sẽ xuất hiện và tiếp dẫn người đó. Như vậy, sự chờ đợi lúc lâm chung và sự lai nhinh của Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh là mối quan tâm nhất của hành giả tán tâm hay định tâm.

Tuyển trạch bản nguyện⁷, tức “Niệm Phật vãng sanh nguyện”, không liên quan gì đến hữu niệm hay vô niệm. Hữu niệm là ý niệm về màu sắc và hình ảnh của một đối tượng. Vô niệm là không có bất kỳ ý nghĩ nào, bởi vì không có hình ảnh nào trong tâm trí, không có màu sắc nào trong tâm trí. Đây đều là những lời dạy của Thánh đạo. Thánh Đạo là những giáo pháp chí cực của Đại thừa, bao gồm Phật tâm tông, Chân ngôn tông, Pháp Hoa tông, Hoa Nghiêm tông, Tam luận tông, v.v, nhằm khuyến khích chúng sanh tu hành để đạt được Phật quả. Phật tâm tông là chỉ cho Thiền tông, tông phái Phật giáo đang lan rộng khắp thế giới. Ngoài ra, Pháp tướng tông, Thành thật tông, Câu xá tông, v.v. là những giáo pháp phương tiện (quyền giáo) của Tiểu thừa. Giáo pháp phương tiện là những giáo pháp mà chư Phật và chư Bồ tát giảng dạy và biểu thị dưới nhiều hình thức khác nhau, và đây là ý nghĩa của từ “quyền”.

Tịnh độ tông cũng bao gồm giáo lý về hữu niệm và vô niệm, mặc dù ở đây, hữu niệm có nghĩa là “tán thiện”, và vô niệm chỉ cho “định thiện”. Vô niệm của Thánh đạo hoàn toàn khác với vô niệm của Tịnh độ. Hơn nữa, trong cái “vô niệm” của Thánh Đạo vẫn còn có “hữu niệm” của tâm. Chúng ta phải cẩn thận quan sát tâm mình.

Trong Tịnh độ tông có chân thật và giả tạm. Chân thật là Tuyển trạch bản nguyện. Giả tạm là định thiện và tán thiện. Tuyển trạch bản nguyện là Tịnh độ

⁷ Tuyển trạch bản nguyện (選擇本願): nghĩa rộng là chỉ cho 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà, hoặc đặc biệt chỉ cho nguyện thứ 18 (trong trường hợp này). Vào thuở xa xưa, khi Đức Phật A Di Đà chưa thành Phật, để tịnh hóa quốc độ và cứu độ chúng sanh, Bồ tát Pháp Tạng đã phát 48 lời thệ nguyện trước sự hiện diện của Đức Phật tên là Thế Tự Tại Vương, và trong số lời nguyện đó có một lời nguyện vì lợi ích vãng sanh cho tất cả chúng sanh. Đây được gọi là được gọi là “Chí tâm tín lạc nguyện”, là “Niệm Phật vãng sanh nguyện”, cũng là “Thập niệm tất sanh nguyện”, “Vãng tướng tín tâm nguyện”, tức lời nguyện thứ 18: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tin ưa muốn sanh về nước tôi, nhữn đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

Chân tông. Hai thiện định tán là Phương tiện giả môn. Tịnh độ Chân tông là giáo pháp chí cực của Đại thừa. Phương tiện giả môn bao gồm quyền giáo và thật giáo⁸ của giáo lý Đại thừa và Tiểu thừa.

Đức Thích Ca Như Lai có đến một trăm mười vị thiện tri thức, và điều này được nêu trong Kinh Hoa Nghiêm.⁹

Nam mô A Di Đà Phật

Kiến Trường năm thứ 3, ngày 20 tháng 9 nhuận năm Tân Hợi (1251)

Ngu Ngốc Thân Loan

79 tuổi.

(2) Tự lực và Tha lực¹⁰

Theo Tịnh độ Chân tông, có hai loại người cầu sanh Tịnh độ: những người nương tha lực và những người cậy tự lực. Điều này đã được các luận gia Thiên Trúc và các bậc Tổ sư Tịnh độ giảng dạy.¹¹

Tự lực là nỗ lực để được vãng sanh, dù bằng cách xưng niệm danh hiệu các Đức Phật khác ngoài Đức Phật A Di Đà và tu hành những thiện căn khác ngoài

⁸ Quyền (權), cũng gọi Thiện quyền, Quyền phương tiện, Thiện quyền phương tiện, Giả, Quyền giả, nghĩa là cái phương tiện tạm bợ được đặt ra trong nhất thời, dùng xong thì bỏ. Thật (實), cũng gọi là Chân, Chân thực, nghĩa là cái chân thực rất ráo không hư dối, vĩnh viễn không thay đổi. Cả hai được ghép chung gọi là Quyền thật, Chân giả. Từ đó có những cặp dụng ngữ đối nhau như Quyền giáo và Thật giáo, Quyền trí và Thật trí, Quyền nhân và Thật nhân, Quyền quả và Thật quả, Quyền hóa và Thật hóa. Thật giáo là giáo pháp được nói ra đúng thực như pháp tự nội chứng của Đức Phật, là giáo pháp căn bản tột cùng. Quyền giáo là giáo pháp phương tiện được đặt ra để dắt dẫn người vào Thật giáo, khi đã đến được cảnh giới của Thật giáo rồi thì phải bỏ Quyền giáo.

⁹ Nhất bách nhất thập thiện tri thức (一百一十善知識): Chỉ cho 110 vị thiện tri thức mà đồng tử Thiện tài đã gặp khi qua 110 thành trong 53 cuộc hỏi đạo. Thực ra, trong kinh Hoa Nghiêm chỉ ghi có 54 chỗ và gặp 55 vị thiện tri thức. Nhưng vì trong quá trình tu hành có đương phần và thắng tiến nên nhân đôi số 55 thiện tri thức thành 110 thiện tri thức. [X. kinh Hoa nghiêm Q.59, tr. 772b (bản 60 quyển)].

¹⁰ Trả lời câu hỏi của tín giả niệm Phật ở Lạp Gian (笠間, Kasama), Thường Lục quốc (常陸國), nay là Từ Thành huyện (茨城縣, Ibaraki), một tỉnh của Nhật Bản, thuộc vùng Kantō trên đảo Honshū, thủ phủ là thành phố Mito.

¹¹ Bảy Cao tăng là Long Thọ, Thiên Thân (Thiên Trúc), Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo (Trung Quốc), Nguyên Tín và Nguyên Không (Nhật Bản) mà Thân Loan Thánh nhân, Tổ sư của Tịnh độ Chân tông, lựa chọn. [Xem Chánh tín niệm Phật kệ và Cao Tăng hòa tán.]

niệm Phật, dựa vào những công đức đã tích lũy làm nguyên nhân cho sự vãng sanh, hoặc bằng sự nỗ lực tu sửa tự thân với cái tâm phân biệt biểu hiện nơi thân, khẩu, ý; trang sức tự thân với cái ý thác loạn, tưởng rằng thuận lợi cho sự vãng sanh Tịnh độ, đó gọi là Tự lực.

Tha lực có nghĩa là tín lạc vào bản nguyện “niệm Phật vãng sanh” thứ mười tám, là lời nguyện cao nhất trong 48 lời nguyện mà Di Đà Như Lai tuyển trạch và nhiếp thủ¹². Vì đây là bản nguyện của Như Lai, nên Thánh nhân (Pháp Nhiên) nói: “Tha lực lấy vô nghĩa làm nghĩa.”¹³ “Nghĩa”, là từ ngữ hàm ý ‘kế đặc’¹⁴. Tự lực là sự kế đặc của hành giả, cho nên gọi là “nghĩa”. Tha lực là tín lạc vào bản nguyện thì sự vãng sanh là điều chắc chắn, đó gọi là “vô nghĩa”. Như vậy, một mặt, đừng nghĩ rằng vì mình là người xấu ác nên Như Lai không lai nghinh tiếp dẫn. Kẻ phạm phu thì đầy đủ phiền não, nên phải tự nhận mình là người xấu ác. Mặt khác, chớ nghĩ rằng mình sẽ được vãng sanh vì là người thiện lành. Không thể được sanh về Báo độ chân thật bằng sự tự lực kế đặc như vậy. Tôi đã được dạy rằng, với niềm tin vào tự lực vãng sanh Tịnh độ, một hành giả chỉ có thể sanh vào Giải mạn giới, Biên địa, thai sanh hay Nghi thành.

Nhờ thành tựu bản nguyện thứ mười tám, Bồ tát Pháp Tạng đã trở thành A Di Đà Như Lai, và lợi ích của bản nguyện ấy thì bất khả tư nghị; để diễn đạt điều này, Bồ tát Thế Thân dùng những từ, “Tận thập phương Vô Ngại Quang Như

¹² Kinh Vô Lượng Thọ: “Nghe và thấy các quốc độ nghiêm tịnh, Tỳ kheo Pháp Tạng siêu phát thệ nguyện thù thắng vô thượng, tâm Ngài tịch tịnh, trí Ngài rỗng rang, tất cả thế gian không có ai bằng. Trọn đủ năm kiếp, Ngài suy xét nhiếp thủ công hạnh trang nghiêm thanh tịnh Phật độ.”

Trong Quán Kinh, mặc dù các hành “nhị thiện định tán” được giảng dạy rộng rãi là các hành cần thực hiện để đạt được vãng sanh Tịnh Độ, nhưng quang minh của Đức Phật A Di Đà chiếu soi và cứu độ những hành giả “niệm Phật nhất hạnh” bằng cách tuyển trạch và nhiếp thủ, loại trừ những người tu tập các hành.

¹³ “Vô nghĩa làm nghĩa”, tức xả tự lực quy tha lực. Vô nghĩa, là cái tâm kế đặc của phạm phu. Nghĩa, là bản nguyện của Như Lai. Tam Thiếp Hòa Tấn ghi: “Hễ là người của Thánh đạo môn, Đều lấy tự lực tâm làm gốc, Nếu nhập tha lực bất tư nghị, Tin biết lấy vô nghĩa làm nghĩa.” Niệm Phật không đòi hỏi hành giả phát tâm và nỗ lực xuất ly sanh tử, chỉ cần từ bỏ tự lực và quy về tha lực bất khả tư nghị của Đức Phật A Di Đà, nương bản nguyện và ân đức của Phật, được sanh Báo độ chân thật. Điều này nghe có vẻ phi lý, nhưng trong sự phi lý bề ngoài đó có một sự thật vượt qua mọi lý trí. Bởi vì sự chân thật của danh hiệu siêu việt mọi mô tả, siêu việt mọi ngôn từ và siêu việt sự hiểu biết.

¹⁴ Kế đặc là tính toán, phân biệt, suy lường, là biến kế sở chấp (parikalpita).

Lai.”¹⁵ Do đó, hãy thật sự biết rằng, không có sự phân biệt giữa người thiện lành và người xấu ác, vì bất kể ai cũng còn phiền não, nhưng tất cả chúng sanh đều chắc chắn được vãng sanh. Mô tả sự tín lạc vào “Bản nguyện niệm Phật”, Hòa thượng Huệ Tâm Viện (Nguyên Tín) nói trong Vãng Sanh Yếu Tập: “Nay khuyên niệm Phật, chẳng phải là ngăn cấm những diệu hạnh khác; chỉ là nam nữ giàu nghèo, chẳng lựa đi đứng ngồi nằm, không kể thời xứ chư duyên, ai cũng thực hành niệm Phật được, không có khó khăn, cho đến lúc lâm chung vẫn nguyện cầu vãng sanh. Được tiện nghi ấy không gì hơn niệm Phật.”¹⁶ Ngài khẳng định chắc chắn rằng, người có tín tâm chân thật thì được ánh sáng từ bi của Đức Phật A Di Đà nhiếp thủ. Vì vậy, Đức Thích Ca Mâu Ni đã dạy, một người dù còn đầy vô minh phiền não, nếu được vãng sanh Tịnh độ An Dưỡng, thì nhất định sẽ đạt thành Phật quả vô thượng.

Đại sư Thiện Đạo đã viết trong Quán Kinh Sớ: “Hằng hà sa số chư Phật ở mười phương đều khen ngợi Đức Thích Ca ở trong thời kỳ đầy cả năm thứ ác trược: thế giới độc ác, chúng sinh độc ác, kiến thức độc ác, phiền não độc ác, thời kỳ thịnh hành tà ác và không có đức tin, lại có thể chỉ dạy và khen ngợi danh hiệu Đức Phật A Di Đà, khuyến khích chúng sanh xưng niệm thì nhất định được vãng sanh”¹⁷ Ngài giải thích thêm rằng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật A Di Đà và chư Phật mười phương, tất cả đều đồng tâm, nhất định không rời xa chúng sanh “bản nguyện niệm Phật”, cũng như hình và bóng của vạn vật. Do đó, Đức Phật

¹⁵ Quy mạng Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai (歸命盡十方無礙光如來): Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai là một trong các đức hiệu của Đức Phật A Di Đà. Vì ánh sáng của Đức Phật A Di Đà chiếu soi khắp các quốc độ trong mười phương mà không bị ngăn ngại, nên đức ánh sáng ấy của Ngài được gọi là Tận thập phương vô ngại quang. Ý nói ánh sáng của Đức Phật A Di Đà không bị người và pháp làm chướng ngại. Chúng sanh quy y, quy thuận sắc mạng của Như Lai, gọi là Quy mạng. Mặt khác, Đức Phật A Di Đà còn thành tựu công đức làm cho chúng sanh an tâm quy mạng nên tôn xưng danh hiệu của ngài là Quy mạng Tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai. Tịnh độ Chân tông của Nhật Bản gọi danh hiệu này là Thập tự danh hiệu (Danh hiệu 10 chữ). [X. Vô lượng thọ kinh Ưu bà đề xá nguyện sinh kệ; Tán A di đà Phật kệ].

¹⁶ Vãng Sanh Yếu Tập (往生要集), No. 2682, quyển hạ, tr. 76c24. Thời, là 12 thời. Xứ, là tịnh xứ và bất tịnh xứ. Chư duyên, là lục tình (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý).

¹⁷ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, Thiện Đạo tập ký, phần Tán thiện nghĩa, tr. 272a18.

Thích Ca Mâu Ni hoan hỷ với những người có tín tâm và nói rằng: “Họ là bạn thân thiết của ta.”¹⁸ Người có tín tâm là đệ tử Phật chân thật, là người sống trong chánh niệm. Bởi vì người ấy đã được Đức Phật A Di Đà “niếp thủ bất xả”, nên họ là người có Kim cương tâm¹⁹. Người ấy được gọi là “người tốt trong loài người, là người tốt đẹp trong loài người, là người thượng thượng trong loài người, là người hiếm có trong loài người, là người tối thắng trong loài người.”²⁰ Những người như vậy đã đạt đến địa vị Chánh định tụ và do đó liền ngang hàng với Bồ tát Di Lạc²¹. Người có tín tâm chân thật thì chắc chắn sẽ được vãng sanh Báo độ chân thật. Sự thể có được tín tâm này, phải biết là nó đến từ phương tiện từ bi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật A Di Đà và tất cả chư Phật trong mười phương. Vì vậy, không nên chỉ trích những người không thực hành theo lời dạy của chư Phật, cũng không chê bai những người thực hành thiện căn khác ngoài niệm Phật. Chớ ghét bỏ những người khinh thường và nói xấu người niệm Phật, thay vào đó, nên có lòng từ bi và quan tâm đến họ. Đây là lời dạy của Pháp Nhiên Thánh nhân. Hãy trân trọng.

Ân đức của Đức Phật lớn lao đến nỗi chúng ta dù có sanh vào Giải mạn giới, Biên địa, Nghi thành, Thai cung, chúng ta vẫn tràn ngập niềm khánh hỷ bất khả tư nghị, bởi vì chúng ta biết ơn Đức Phật A Di Đà về lời nguyện thứ mười chín và thứ hai mươi²². Như vậy, ân đức của Đức Phật là vô biên. Nhưng chúng ta nên nhận ra

¹⁸ Lấy ý trong Đại Kinh, quyển hạ: “Nghe pháp chẳng quên được, Thấy kính được vui lớn, Là bạn thân tốt của ta, Vì vậy nên phát tâm.”

¹⁹ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: “Tâm thâm tín này, giống như kim cương, không bị động loạn hay phá hoại bởi những người có dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, v.v. Chỉ là nhất tâm quyết định, nhắm ngay hướng thẳng, không được nghe lời những người kia, thì có tiến thoái, tâm sanh yếu hèn, ngoảnh lại lạc đường, liền đánh mất đại lợi vãng sanh.”

²⁰ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 4, tr. 278a01.

²¹ Nhất niệm vãng sanh tiển đồng Di Lạc (一念往生便同彌勒): Một niệm vãng sinh liền ngang hàng với Bồ tát Di Lạc.

²² Biên địa giải mạn (邊地解慢): Cứ theo Tịnh độ Chân tông của Nhật Bản, thì Đức Phật A Di Đà hóa hiện ra hai cõi nước là Biên địa và Giải mạn. Biên địa là cõi nước dành cho những người tu hành mà lòng còn nghi ngờ trí của Phật được sinh đến. Giải mạn là gọi tắt của Giải mạn giới, là nơi dành cho người tu hành yếu môn (pháp môn trọng yếu) được sinh đến. Lại nữa, Biên địa tức là Nghi thành, Thai cung nói trong kinh Vô Lượng Thọ, là nơi của những người tự lực niệm Phật được sinh tới, đúng với điều nguyện thứ 20 của đức Phật A Di Đà. Còn Giải mạn giới nói trong

ân đức của Đức Phật khi được vãng sanh Báo độ chân thật và đạt được Đại Niết bàn. Đây không phải là vấn đề của Tánh Tín Phòng²³ hay Thân Loan tôi có ý kiến. Không có cách nào cả.

Kiến Trường năm thứ 7, ngày 3 tháng 10 năm Ất Mão (1255)

Ngu Ngốc Thân Loan

Viết ở tuổi 83²⁴

kinh Bồ tát xử thai, quyển 3, thì là nơi của những người tu muôn hạnh lành được sinh đến, đúng với điều nguyện thứ 19 của đức Phật A Di Đà. Giải mạn quốc (懈慢國), hay còn gọi là Giải mạn giới (懈慢界), cõi này nằm giữa cõi Ta-bà và Cực Lạc. Sinh vào nước này thì đắm nhiễm vào sự khoái lạc trong đó, nên lại khởi lên tâm kiêu mạn, giải đãi, chẳng chịu tiến tu để sinh lên Cực Lạc nên gọi là Giải mạn quốc. Như kinh Bồ Tát Xử Thai chép: “Ở phương Tây, cách cõi Diêm-phù-đề này mười hai ức na-do-tha, có Giải mạn giới. Quốc độ ấy khoái lạc... Chúng sinh phát ý trước sau muốn sinh về A Di Đà Phật quốc, nhưng đều đắm nhiễm sâu nặng Giải mạn quốc, chẳng thể tiến lên sanh về A Di Đà Phật quốc. Trong ức ngàn vạn chúng mới có một người có thể sinh về A Di Đà Phật quốc. Vì sao? Đều vì lười biếng, kiêu mạn, chấp trước, tâm chẳng kiên cố.”

²³ Tánh Tín Phòng (性信坊) là một đệ tử trực tiếp của Thân Loan Thánh nhân, đã chuyển nơi ở của mình từ Kanto (Quan Đông) đến Echigo (Việt Hậu), và được cho là người sáng lập chùa Tịnh Huyền ở Echigo ngày nay. Thân Loan Thánh nhân có các đệ tử được mệnh danh là “24 đệ tử của vùng Kanto”, và đứng đầu danh sách là Tánh Tín Phòng (Shoshin-bo). “Có Tánh Tín Phòng ở Kanto khiến tôi yên tâm như thể tôi có hai cơ thể vậy.” Đây chính là điều Thân Loan Thánh nhân đã nói. Sinh ra ở Hitachi (Thường Lục, tỉnh Ibaraki ngày nay), Tánh Tín Phòng là một tên lưu manh quái dị, có sức mạnh vô song, được mệnh danh là “Akugoro” (Ác ngũ lang 惡五郎) và được nhiều người nể sợ. Vào mùa xuân năm 18 tuổi, một bước ngoặt trong cuộc đời đã đến với Akugoro. Khi đang trên đường đến nhiều quốc gia khác nhau để đào tạo thành một samurai, anh tình cờ đi ngang qua Cát Thủy thảo am (吉水草庵) ở Kyoto. Trước cổng, nam nữ già trẻ đều vui vẻ bước vào. Akugoro cũng bước vào, nửa tò mò. Ở đó, Pháp Nhiên Thượng nhân đang thuyết pháp. Lời nói của Pháp Nhiên như một cú sốc mạnh đối với Akugoro, người đang lắng nghe ở hiên nhà. Mặc dù đây là lần đầu tiên anh nghe nói về Phật giáo nhưng Akugoro vẫn bị ấn tượng bởi chiều sâu của nó. “Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà là nhìn thấu tất cả loài người đều cực kỳ tà ác và giúp những người như vậy tìm được hạnh phúc tuyệt đối...” Pháp Nhiên Thượng nhân giải thích chi tiết bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Sau bài giảng, Akugoro đến trước mặt Pháp Nhiên Thượng nhân, nghẹn ngào rơi nước mắt vì xúc động. “Cho đến bây giờ, con chưa bao giờ coi điều ác là ác, và đã cố gắng hết sức để gây rắc rối cho người khác và làm ác. Con chưa bao giờ nghĩ rằng Đức Phật A Di Đà lại tỏ lòng thương xót với những kẻ ác như vậy. Xin hãy thu nhận con làm đệ tử của ngài và hướng dẫn cho con.” Anh ta cắt tóc và cầu xin Pháp Nhiên. Lúc này, Pháp Nhiên Thượng nhân nói với Thân Loan. “Anh ta là một chàng trai đáng ngưỡng mộ. Tuy nhiên, dù anh ta có theo tôi đến tuổi già, cũng sẽ không thể theo tôi trong nhiều năm tới. Xin hãy nuôi dạy nó thật tốt dưới sự giám sát của ông.” Vì vậy, Akugoro đã đổi tên thành Tánh Tín Phòng (Seishinbo) và trở thành đệ tử của Thân Loan Thánh nhân. Đó là năm Thân Loan 34 tuổi và Akugoro 18 tuổi. Năm sau (1207), Pháp Nhiên Thượng nhân bị đày đến Tosa và Thân Loan Thánh nhân bị đày đến Echigo do bị chính quyền đàn áp. Đây được gọi là “Pháp nạn Thừa Nguyên” (承元法難). Nguyên do Pháp nạn là nhiều tông phái khác tại Nara có thể lực với triều đình lúc bấy giờ không thích pháp môn Tịnh Độ và cho Pháp Nhiên cũng như Thân Loan là đi sai lời dạy của Phật nên xin triều đình lưu đày họ. Tánh Tín Phòng, người chưa bao giờ rời xa Thân Loan Thánh nhân, đã về quê hương Kanto, nơi anh xuất thân.

²⁴ Người ta nói rằng bức thư này được sao chép từ bản thảo của chính Thân Loan Thánh nhân, được tìm thấy trong di tích của Tánh Tín Phòng và được các tín đồ xem xét.

(3) Ngang hàng với Di Lạc

Một người có được tín tâm chân thật thì an trú ở địa vị Chánh định tụ, nhất định sẽ thành tựu Đẳng chánh giác²⁵. Theo Kinh Đại Vô Lượng Thọ, một người có được lợi ích từ sự “nhiếp thủ bất xả” của Đức Phật A Di Đà thì gọi là bậc Chánh định tụ²⁶. Trong Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai, chư đại Bồ tát được gọi là Đẳng chánh giác²⁷. Mặc dù có tên gọi khác nhau, Chánh định tụ và Đẳng chánh giác vẫn có cùng một ý vị, cùng một địa vị. Địa vị Đẳng chánh giác ngang bằng địa vị Bồ xứ của Bồ tát Di Lạc. Người có tín tâm chân thật thì nhất định thành tựu Vô thượng giác, do đó mà nói người ấy “liền ngang hàng với Bồ tát Di Lạc”²⁸.

Đại Kinh có nói rằng “Vị thứ như Bồ tát Di Lạc.”²⁹ Bồ tát Di Lạc đã gần đạt đến Phật quả, nên các tông phái thường gọi Ngài là Phật Di Lạc. Những người an trú địa vị Chánh định tụ thì có cùng vị thứ với Bồ tát Di Lạc, cho nên họ cũng được cho là ngang bằng với Như Lai. Hãy biết rằng, người có tín tâm chân thật vào Tịnh độ, mặc dù tự thân đầy bất tịnh và tạo ác, có thể được gọi là “ngang bằng với Như Lai”, bởi vì tâm người ấy vốn đồng nhất với Như Lai. Di Lạc tuy là Bồ tát nhưng

²⁵ Những ai đạt được tín tâm chân thật sẽ có nhân duyên hoàn hảo để thành Phật và chắc chắn sẽ trở thành Phật, do đó, địa vị Chánh định tụ trong kiếp này được gọi là "ngang bằng như Di Lạc" (Di Lạc đồng) hay "ngang bằng sự giác ngộ viên mãn" (Đẳng chánh giác). Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Chú (無量壽經優婆塞願生偈註), No. 1819, quyển Thượng: "Vì các pháp bình đẳng, nên các Như Lai bình đẳng, vì vậy các Đức Phật Như Lai được gọi là Đẳng giác." (Dĩ chư pháp đẳng cố, chư Như Lai đẳng, thị cố chư Phật Như Lai danh vi Đẳng Giác. 以諸法等故, 諸如來等, 諸如來等, 是故諸佛如來名為等覺.)

²⁶ Kinh Vô Lượng Thọ: “Này A Nan! Có chúng sanh nào, sanh về cõi nước An Lạc ấy thì đều ở bậc Chánh định tụ cả. Tại sao vậy? Vì nước ấy không có hạng tà tụ và bất định tụ.”

²⁷ Kinh Đại Bảo Tích, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai: “Chư đại Bồ tát này đều tuân tu hạnh Phổ Hiền, đầy đủ tất cả hạnh nguyện Bồ tát, an trú trong tất cả công đức, đến bờ Phật pháp rất ráo kia, nguyện ở trong tất cả thế giới thành Đẳng chánh giác.”

²⁸ Long Thư Tăng Quảng Tịnh Độ Văn, No. 1970, quyển 10, tr. 283a23: Nhất niệm vãng sanh tiền đồng Di Lạc (一念往生便同彌勒. Một niệm vãng sanh liền ngang hàng với Bồ-tát Di Lạc)

²⁹ Thứ như Di Lạc (次如彌勒). Kinh Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo Di Lạc: Ở thế giới này có sáu mươi bảy ức Bất thối Bồ tát vãng sanh về quốc độ kia. Mỗi Bồ tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, vị thứ ngang hàng với Bồ tát Di Lạc vậy. (Phật cáo Di Lạc, ư thử thế giới, hữu lục thập thất ức bất thối bồ tát, vãng sanh bỉ quốc. Nhất nhất bồ tát dĩ tăng cúng dường vô số chư Phật, thứ như Di Lạc giả dã. 佛告彌勒: 於此世界, 有六十七億不退菩薩, 往生彼國. 一一菩薩已曾供養無數諸佛, 次如彌勒者也.)

tâm Ngài đã an trú Vô thượng giác, nên chắc chắn sau 56 ức 7 ngàn vạn năm nữa Ngài sẽ thành Phật nơi đại hội gọi là “Long Hoa tam hội”. Mọi người Tịnh độ Chân tông cũng nên nhận biết được tâm ấy.

Trong Bát Chu Tán của Hòa thượng chùa Quang Minh có nói, “Chán thì Ta bà cách hẳn, thích thì Tịnh độ thường cư.”³⁰ Cư, nghĩa là tâm trí của người có tín tâm thường xuyên an trú ở Tịnh độ. Tâm người ấy giống như tâm của Bồ tát Di Lặc. Khi nói rằng người có tín tâm “ngang bằng với Như Lai” là vì có cái tâm Đẳng chánh giác giống như tâm của Bồ tát Di Lặc vậy.

Chánh Gia nguyên niên, ngày 10 tháng 10 năm Đinh Tỵ (1257)

Thân Loan

Gởi cho Tánh Tín Phòng

(4) Ngang bằng chư Như Lai

Điều ông thắc mắc trong thư là một đoạn trong kinh Hoa Nghiêm, nói rằng: “Nghe pháp này hoan hỷ, Người tín tâm không nghi, Mau thành đạo Vô thượng, Ngang bằng chư Như Lai,”³¹ nghĩa là người có tín tâm và hoan hỷ thì ngang bằng với chư Như Lai. Điều này được thể hiện trong câu nói của Đức Thích Ca Mâu Ni

³⁰ Y Quán Kinh Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sanh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo tuyển chọn. Yếm tắc Ta bà vĩnh cách, hân tắc Tịnh độ thường cư (厭則娑婆永隔, 忻則淨土常居.) “Kính thưa chư hành giả, phạm phu sanh tử chẳng thể tham mà không chán, Di Đà Tịnh độ chẳng thể khinh mà chẳng thích. Chán thì Ta bà cách hẳn, thích thì Tịnh độ thường cư. Cách thì quên nhân sáu đạo, quả luân hồi tự mất. Nhân quả đã quên thì hình danh dứt ngay. Ngưỡng mong các đồng sinh tri thức hãy khéo tự suy lường.”

³¹ Chánh văn là “Tín tâm hoan hỷ giả dữ chư Như Lai đẳng” (信心歡喜者與諸如來等), đây là lược ý từ câu kinh trong phẩm Nhập Pháp Giới. Kinh Hoa Nghiêm, No. 278, quyển 60, phẩm Nhập Pháp Giới, tr. 788a29. Xem Giáo Hành Tín Chứng, Tín Văn Loại, mục (34).

về những người có được tín tâm và rất hoan hỷ: “Nếu nghe tinh tiến cầu, Nghe pháp thường chẳng quên, Thấy kính được mừng lớn, Là bạn hiền với ta.”³²

Hơn nữa, lời nguyện thứ mười bảy của Đức Phật A Di Đà tuyên bố rằng, “Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Nguyện Thành Tựu Văn [trong Đại Kinh] cũng nói: “Tất cả chư Phật đều khen ngợi và hoan hỷ.”³³

Ông không nên có một mảy may nghi ngờ nào.

Ở đây tôi ghi lại câu “Ngang bằng chư Như Lai”.

Chánh Gia nguyên niên, ngày 10 tháng 10 năm Đinh Tỵ (1257)

Thân Loan

Gởi cho Chân Phật Phòng³⁴

(5) Tự Nhiên Pháp Nhĩ

Nói ‘tự nhiên’ (自然) : Chữ tự (自), nghĩa là ‘đúng như nó là’, chẳng phải kể đạc từ nơi hành giả, chính là nó như thế đó. Chữ nhiên (然), nghĩa là ‘tốt đẹp

³² Đại Kinh, quyển hạ: “Nghe pháp chẳng quên được, Thấy kính được vui lớn, Là bạn thân tốt của ta, Vì vậy nên phát tâm.” (聞法能不忘, 見敬得大慶, 則我善親友, 是故當發意. Văn pháp năng bất vong, kiến kính đắc đại khánh, tắc ngã thiện thân hữu, thị cố đương phát ý.)

³³ Đại Kinh, quyển hạ: “Hằng sa chư Phật Như Lai mười phương đồng khen ngợi oai thần công đức bất khả tư nghị của Đức Vô Lượng Thọ Phật.”

³⁴ Chân Phật Phòng (真仏房, Shinbutsu-bo) là con trai cả của Kuniharū Ouchi (Đại Nội Quốc Xuân 大内国春), lãnh chúa của thành Chân Cương (真岡城), và trở thành đệ tử của Thân Loan Thánh nhân vào năm 17 tuổi, sau này trở thành thủ lĩnh của các môn đệ ở Kanto. Ông qua đời ở tuổi 50, vào năm 1258 tại Truyền Tu Tự (専修寺) ở Cao Điền sơn (高田山). “Gót chân hồng hóa của Thân Loan tại vùng Quan Đông (Kanto) ngót gần 25 năm, và rồi năm trên 60, Ngài mới trở lại Kyoto. Nhưng vào những năm cuối cùng của cuộc đời, Ngài không có được những chuỗi ngày thanh thản, bình an. Từ lúc 80 tuổi, Ngài còn phải lặn lội trải qua 5 năm tại vùng Quan Đông, vì những người niệm Phật bị đàn áp, trong số có hai đệ tử là Tánh Tín Phòng và Chân Phật Phòng đều bị bắt đưa về vùng Kamakura. Việc này Ngài biết rõ, chính người con trai là Thiện Loan đã can dự vào, nên không nhìn nhận là con nữa. Đối với những sự tranh chấp giữa những người niệm Phật như thế, thỉnh thoảng Ngài có viết thư khuyên giải họ. Việc làm này mãi đến nay còn lưu lại trên 40 bức thơ liên hệ do chính Ngài viết.” (Tông Phái Phật Giáo Nhật Bản – Thích Bảo Lạc dịch)

như thế’, chẳng phải sự kể đặc đến từ hành giả, mà do thệ nguyện của Như Lai khiến như thế đó.

Nói ‘pháp nhĩ’ (法爾): nghĩa là do thệ nguyện của Như Lai mà tự nhiên sai khiến, gọi đó là ‘pháp nhĩ’. Đây là do sự tự nhiên sai khiến bởi thệ nguyện của Như Lai, chẳng phải sự kể đặc của hành giả.

Cho nên ở trong “Tha lực chính là lấy vô nghĩa làm nghĩa.”³⁵

Nói ‘tự nhiên’, là chỉ cho ‘xưa nay khiến cho như thế’.

A Di Đà Như Lai làm cho hành giả quy mạng, tôi nghe rằng: “*Ngươi xưng niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’, tất nhiên được nghinh tiếp vãng sanh Tịnh độ.*” Ở đây không một mảy may ra ngoài bản ý của thệ nguyện, khiến cho tất cả chúng sanh thành tựu Vô thượng Phật đạo.

‘Vô thượng Phật’: là vô hình vô tướng. Vì vô hình vô tướng, nên gọi là ‘tự nhiên’. Nếu hữu hình hữu tướng, thì không gọi là Vô thượng Niết bàn.

Tôi nghe rằng: “*Nếu muốn biết ‘vô hình vô tướng’ như thế nào, thì đó là ‘A Di Đà Phật’.*”

A Di Đà Phật, chính là ‘sai khiến chúng sanh’ như ý nghĩa ‘tự nhiên’.

Sau khi biết rõ đạo lý này, không đem ‘tự nhiên’ ấy treo ở khóe miệng.

Nếu đem ‘tự nhiên’ ấy treo ở khóe miệng, thì cái gọi là ‘vô nghĩa làm nghĩa’ không thành tựu, lại biến thành ‘hữu nghĩa’ hay sao?

Đây chính là Phật trí bất khả tư nghị.

Chánh Gia năm thứ 2, ngày 14 tháng 12 năm 1258

³⁵ “Niệm Phật lấy vô nghĩa làm nghĩa, bất khả xưng, bất khả thuyết, bất khả tư nghị.” (Thán Dị Sao). Ngài Thân Loan gọi pháp niệm Phật vãng sanh tin tuyệt đối vào tha lực này là “tự nhiên pháp nhĩ” (Mạt Đăng Sao). Mục đích của giáo thuyết này là để củng cố vững vàng lòng tin của chúng ta đối với Đức Phật A Di Đà cùng bản nguyện Tịnh độ của Ngài, mà không cần phải lo nghĩ đến dĩ vãng của mình và các hành vi thiện ác từ nay về sau. Ngài Thân Loan thậm chí còn nói: “Hành giả có đủ tín tâm thì thiên thần địa kỳ kính phục, ma giới ngoại đạo chẳng thể chướng ngại, tuy có tội ác cũng chẳng thể thọ nghiệp báo”, “dầu giết vạn người cũng có thể vãng sanh” (Thán Dị Sao).

Ngu Ngốc Thân Loan

Viết ở tuổi 86

(6) Phàm ngu vãng sanh

Thật đáng buồn khi có quá nhiều người, già trẻ, nam nữ, đã chết trong năm ngoái và năm nay³⁶. Tuy nhiên, Đức Như Lai đã thuyết giảng đầy đủ đạo lý sanh tử vô thường, rằng tất cả chúng sanh đều phải chết, vì vậy chúng ta không nên ngạc nhiên.³⁷

Với bản thân Thiện Tín (Thân Loan), tôi không nói tới [căn cơ] thiện ác lúc lâm chung. Những người có tín tâm được xác định, không nghi ngờ [bản nguyện], thì đã an trú địa vị Chánh định tự. Vì lý do này mà ngay cả những người ngu si vô trí cũng có thể lâm chung trong niềm khánh hỷ.

Ông đã trình bày với mọi người về nguyên lý, “vãng sanh bằng nguyện lực của Như Lai”, điều đó không mâu thuẫn chút nào. Những gì tôi đã nói với tất cả các ông từ nhiều năm trước vẫn không thay đổi. Chỉ cần đạt được sự vãng sanh, kiên quyết tránh mọi cuộc tranh luận học thuật. Tôi nhớ đã nghe Pháp Nhiên Thánh nhân nói, “Người tu theo Tịnh độ tông trở thành kẻ ngu ngốc và vãng sanh.”³⁸ Hơn nữa, khi Thánh nhân nhìn những người vô học hèn kém đến thăm, tôi nhớ ngài mỉm cười và nói, “Không nghi ngờ gì nữa, sự vãng sanh của họ đã được định sẵn.” Tuy nhiên, khi một người biểu hiện hiện thiện tinh tiến đi đến luận nghị,

³⁶ Năm ngoái (1259) và năm nay (1260), cả nước xảy ra nạn đói và dịch bệnh lớn, nhiều người chết.

³⁷ Chúng ta phải bị chết (bị bệnh, bị già) vì chúng ta bị sanh ra.

³⁸ Sau khi bị lưu đày, Thân Loan tự gọi mình là một kẻ ngu ngốc. Từ "ngu ngốc" không ám chỉ sự ngu ngốc trong học thuật mà là sự ngu ngốc cơ bản mà tất cả con người đều sở hữu, vượt qua mức độ khôn ngoan và ngu ngốc tương đối. Tự gọi mình là "kẻ ngu ngốc" sau khi rời khỏi vòng tay của Pháp Nhiên và sống cuộc đời lưu vong. Đó là những gì Pháp Nhiên Thánh nhân đã chỉ ra: Tu theo Thánh Đạo sẽ đạt được trí tuệ và phân biệt sống chết, còn thực hành Tịnh độ sẽ đưa sự ngu si trở về Cực Lạc.

tôi nghe Thánh nhân than thở, “Sự vãng sanh của ông ấy sẽ như thế nào!” Đến nay, những lời dạy ấy vẫn hiện lên trong tâm trí tôi.

Không bị người khác hoặc loạn và tín tâm không dao động, thì mỗi người trong các ông sẽ được vãng sanh. Ngay cả một người không bị ai hoặc loạn, nhưng tín tâm không ổn định, không an trú địa vị Chánh định tụ, thì sẽ tiếp tục lưu chuyển, không ai để nương tựa.

Thừa Tín Phòng³⁹, xin hãy chuyển tiếp những gì tôi đã viết ở đây cho những người khác.

Trân trọng.

Văn Ứng nguyên niên, ngày 13 tháng 11 năm 1260

Thiền Tín

Viết ở tuổi 88

Gởi cho Thừa Tín Phòng

(7) **Đẳng đồng chư Phật**

Khi xưng niệm danh hiệu, chúng ta trở nên an trú trong sự bất thoái chuyển, vì chúng ta được vô ngại quang của Như Lai nhiếp thủ. Vì trường hợp này, con cảm thấy không cần phải truy hỏi lại việc “được nhiếp thủ bất xả”. Ngoài ra, Kinh Hoa Nghiêm còn nói: “Nghe pháp này hoan hỷ, Ai tín tâm không nghi, Mau thành Vô thượng đạo, Ngang bằng chư Như Lai.”⁴⁰ Hơn nữa, lời nguyện thứ mười bảy tuyên bố rằng, “Mười phương vô lượng chư Phật đều tán dương danh hiệu”.

³⁹ Theo Thân Loan Thánh Nhân Môn Đệ Giao Danh Địch (親鸞聖人門弟交名牒), Thừa Tín Phòng (乘信房, Joshin-bo) sống ở Hitachi-ou-gun (Thường Lục Áo Quận 常陸奥郡, phía bắc tỉnh Ibaraki [Tỳ Thành huyện 茨城県] ngày nay). Tên của một số học trò của ông cũng được biết đến.

⁴⁰ Kinh Hoa Nghiêm, quyển 60, phẩm Nhập Pháp Giới: “Văn thủ pháp hoan hỷ, Tín tâm vô nghi giả, Tốc thành vô thượng đạo, Dữ chư Như lai đẳng.” (聞此法歡喜, 信心無疑者, 速成無上道, 與諸如來等, 788a29).

Nguyễn Thành Tự Văn có nói, “Hằng sa chư Phật mười phương” và “Chúng sanh nghe danh hiệu, tín tâm hoan hỷ”.⁴¹ Con tin rằng những người như vậy “ngang bằng với Như Lai” ở đời này. Ngoài ra, con không dựa vào sự kể đặc của mình như một kẻ ngu ngốc. Con muốn có quan điểm chi tiết của Thầy về vấn đề này.

Trân trọng.

Tịnh Tín Phòng⁴²

Ngày 12 tháng Hai

[Câu trả lời của Thân Loan về “Ngang bằng chư Như Lai”]

Những gì liên quan đến sự vãng sanh không phụ thuộc vào sự phân biệt của phàm phu. Hãy phó thác hoàn toàn cho bản nguyện của Đức Phật, và đó là Tha lực.

Thân Loan tôi thấy kỳ lạ khi có quá nhiều cuộc thảo luận về chủ đề “Vãng sanh”.

Các ông nên hiểu rằng, giây phút an trú của những người phó thác cho bản nguyện của Như Lai không gì khác hơn là an trú vào địa vị Bất thoái chuyển, bởi vì họ được lợi ích của sự “niếp thủ bất xả”. Sự thiết lập tín tâm chân thật⁴³ hay tín

⁴¹ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ: “Hằng sa chư Phật mười phương đồng khen ngợi oai thần công đức bất khả tư nghị của đức Vô Lượng Thọ Phật. Có những chúng sanh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, nhấn đến phát một niệm, chí tâm hồi hướng nguyện sanh nước kia, thì liền được vãng sanh, trú bất thối chuyển, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phi báng chánh pháp.”

⁴² Theo Giao Danh Điệp (交名牒), cái tên Tịnh Tín (淨信, Josin) có thể được tìm thấy trong sổ các đệ tử cư trú tại Rakuchu (Lạc Trung 洛中), với chú thích “Thất điều thứ lang nhập đạo” (七条次郎入道, con trai thứ 2 của gia tộc Thất Điều [Shichijōke] nhập đạo). Tuy nhiên, nhiều học giả tin rằng đây là một người khác có cùng tên, và “Tịnh Tín”, cái tên được đưa ra trong Thân Loan Thánh nhân ngự tiêu tức (親鸞聖人御消息), là một môn đệ sống gần Cao Điền (高田) ở vùng Kanto (Quan Đông 關東).

⁴³ Không có sự chân thật trong tâm trí của phàm phu. Vì vậy, tín tâm chân thật (真實信心) chỉ đơn giản là niềm tin do Đức Phật A Di Đà ban tặng. Nó không phải là thứ có thể được tạo ra bằng cách rèn luyện tâm trí của phàm phu. Vào thời điểm “nhất tâm quy mạng Vô Ngại Quang Như Lai”, Đức Phật phát ra quang minh “đại từ bi vô hạn” và “bất khả tư nghị” từ thân thể của mình để cứu độ và nhiếp thủ những kẻ phàm phu. Vào thời điểm ấy, những kẻ phàm phu nhận được tín tâm chân thật và quyết định tin tưởng. Đó là một khoảnh khắc rất ngắn. Vãng Sanh Yếu Tập (往生要集), No. 2682, 3 quyển, Sa-môn Nguyên Tín soạn, quyển trung, tr. 56a23: “Con cũng ở trong sự nhiếp

tâm kim cương⁴⁴ có được thông qua sự “nhiếp thủ bất xả” của Đức Phật A Di Đà. Đó là lý do tôi nói rằng, tâm hướng đến Vô thượng giác sẽ phát sinh. Đây được gọi là địa vị Bất thoái chuyển, là địa vị Chánh định tụ, và là địa vị Đẳng chánh giác.

Chư Phật trong mười phương hoan hỷ cho sự an trú của tín tâm này và khen ngợi nó ngang bằng với tâm trí của tất cả chư Phật. Vì thế, người có tín tâm chân thật được cho là ngang hàng với chư Phật. Người ấy cũng được coi ngang hàng với Bồ tát Di Lặc, bậc Nhất sanh bồ xứ.

Vì những người có tín tâm chân thật được hộ niệm trong thế giới này, nên Kinh A Di Đà nói rằng, “Hằng hà sa số chư Phật trong mười phương cùng hộ niệm.” Điều này không có nghĩa là chư Phật hộ niệm những người như vậy sau khi họ vắng sanh Tịnh độ An Lạc, mà là chư Phật hộ niệm họ trong khi còn ở thế giới Ta Bà này. Hằng hà sa số chư Như Lai trong mười phương tán dương những người có tín tâm chân thật. Họ được cho là ngang hàng với chư Phật.

Hơn nữa, “Tha lực lấy vô nghĩa làm nghĩa.”

Vô nghĩa, là cái tâm kế đặc của của hành giả. Bản nguyện của Như Lai thì bất khả tư nghị, siêu việt lãnh vực nhận thức của phàm phu, chỉ có chư Phật mới hiểu được. Phật trí thì bất khả tư nghị, Không có ai, kể cả Bồ tát Di Lặc, bậc Nhất sanh bồ xứ, có thể nắm bắt được sự bất khả tư nghị của Phật trí. Vì vậy, Đại sư Thánh nhân (Nguyên Không) đã nói, “Bản nguyện của Như Lai lấy vô nghĩa làm nghĩa.” Sự hiểu biết của tôi là không có gì cần thiết ngoài nhận thức này để đạt được sự vắng sanh Tịnh độ. Do đó, ý kiến của người khác [ngoài bản nguyện của Như Lai] là không cần thiết. Tôi trân trọng trả lời như trên.

thủ [bất xả] của Đức Phật A Di Đà, mặc dù con mắt ‘phiền não chướng’ của con không nhìn thấy [ánh sáng của Phật], nhưng tâm đại bi ‘không mệt mỏi’ của Phật thường chiếu thân con.”

⁴⁴ Chân thật tín tâm còn được gọi là Kim cương tín tâm (金剛信心). Một khi tiếp nhận được tín tâm ấy thì niệm niệm tương tục, không bao giờ mất đi. Tín tâm ấy là vô giá, vì nó không phải là thứ mà phàm phu tạo ra bằng chính tâm trí của mình, mà là tín tâm được tiếp nhận từ Đức Phật A Di Đà. Tín tâm ấy tương tục cho đến khi mạng chung, và vào giây phút mạng tận thì tức khắc vắng sanh Cực Lạc.

[Ngày 25 tháng Hai]

Thân Loan (chữ ký)

[Trả lời Tịnh Tín Phòng]

(8) Ngũ chủng thuyết đẳng

Ngũ thuyết (五說): Mặc dù có nhiều kinh điển được thuyết, nhưng có thể được tóm tắt thành năm loại giáo pháp khác nhau: một là, giáo pháp do Đức Phật thuyết; hai là, giáo pháp do các Thánh đệ tử thuyết;⁴⁵ ba là, giáo pháp do thiên tiên thuyết; năm là, giáo pháp do quỷ thần thuyết.⁴⁶ Trong năm loại giáo pháp này, hãy theo giáo pháp của Phật thuyết và đừng nương vào bốn loại kia. Nên biết rằng, ba bộ kinh Tịnh độ là do Đức Thích Ca Như Lai tự thuyết⁴⁷.

Tứ độ (四土): Bốn loại Tịnh độ: một là, Tịnh độ của Pháp thân; hai là, Tịnh độ của Báo thân (Báo độ); ba là, Tịnh độ của Ứng thân; bốn là, Tịnh độ của biến hóa (Hóa độ). Tịnh độ An Lạc chính là Báo độ.

Tam thân (三身): Ba loại thân Phật: một là Pháp thân; hai là, Báo thân; ba là, Ứng thân. A Di Đà Như Lai là Báo thân Như Lai.

⁴⁵ Những kinh giáo được thuyết bởi đức Như Lai và các Thánh đệ tử, được triển chuyển lưu bố từ xưa đến nay, không đi ngược chánh pháp, không đi ngược chánh nghĩa, nên được nhiếp vào Thánh ngôn.

⁴⁶ Ngũ chủng thuyết nhân (五種說人): Năm hạng người có khả năng thuyết pháp. Theo luận Đại Trí Độ, quyển 2, thì 5 hạng người có khả năng thuyết pháp là: Phật, đệ tử Phật, tiên nhân, chư thiên và hóa nhân. Quán Kinh Sớ, Huyền nghĩa phần, quyển 1, của ngài Thiện Đạo thì liệt kê: Phật thuyết, Thánh đệ tử thuyết, Thiên tiên thuyết, quỷ thần thuyết, và biến hóa thuyết. Quán Kinh Sớ Truyền Thông Ký, Huyền nghĩa phần, quyển 4, thì nêu: Duy ma sở thuyết, Bát nhã chuyển giáo, Pháp hoa lãnh giải... tức do các Thánh đệ tử nói. Còn trong các kinh ghi Phạm thiên, Đế Thích... thuyết pháp tức là chư thiên nói. Bà tẩu trong Phương đẳng tức là do tiên nhân nói. Địa thần trong kinh Kim Quang Minh, 10 La sát trong kinh Pháp Hoa... tức là do quỷ thần nói. Trong 4 hạng người trên đây, người ẩn nguyên hình của mình đi, biến hóa ra thể khác để nói pháp, tức là do Biến hóa nói, như lúc đức Phật nhập Niết bàn, ngài Kiều phạm ba đề biến hóa làm nước mà nói kệ. Bốn loại người nêu trên khi nói pháp, nếu được đức Phật ấn khả, thì đều gọi là Phật thuyết. [X. luận Phân biệt công đức Q.1; Đại A la hán nan đề mật đa la sở thuyết pháp trụ kí; Vô lượng thọ kinh nghĩa sớ Q.thượng (Tịnh ảnh)]

⁴⁷ Tự thuyết (Ưu đà na 優陀那, Udāna): Phật tự mở lời khai thị mà không có ai hỏi được.

Tam bảo (三寶): Ba ngôi quý báu: một là, Phật bảo; hai là, Pháp bảo; ba là, Tăng bảo. Tịnh độ tông thuộc về Phật bảo.

Tứ thừa (四乘): Bốn loại cỗ xe: một là, Phật thừa; hai là, Bồ tát thừa; ba là, Duyên giác thừa; bốn là, Thanh văn thừa. Tịnh độ tông thuộc về Bồ tát thừa.

Nhị giáo (二教): Hai loại giáo pháp: một là, Đốn giáo; hai là, Tiệm giáo. Tịnh độ giáo thuộc về Đốn giáo.

Nhị tạng (二藏): Hai loại Pháp tạng: một là, Bồ tát tạng; hai là, Thanh văn tạng. Tịnh độ giáo thuộc về Bồ tát tạng.

Nhị đạo (二道): Hai con đường: một là, Nan hành đạo; hai là Dị hành đạo. Tịnh độ tông dựa vào Dị hành đạo.

Nhị hành (二行): Hai loại tu hành: một là, Chánh hành; hai là, Tạp hành.⁴⁸ Tịnh độ tông lấy Chánh hành làm căn bản.

Nhị siêu (二超): Hai loại siêu thoát: một là, Thụ siêu⁴⁹; hai là, Hoàn siêu⁵⁰. Tịnh độ tông thuộc về Hoàn siêu. Thụ siêu dành cho Thánh đạo tự lực.

⁴⁸ Năm chánh hạnh (五正行) do tông Tịnh độ lập ra cho người tu hành pháp môn niệm Phật cầu vãng sinh Tịnh độ. Đó là: 1. Chánh hạnh đọc tụng; 2. Chánh hạnh quán xét; 3. Chánh hạnh lễ bái; 4. Chánh hạnh xưng danh; 5. Chánh hạnh tán thán cúng dường. Năm hạnh này căn cứ vào 3 bộ kinh Tịnh độ, chỉ thực hành những hạnh hướng về Đức Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc phương Tây, cho nên gọi là Chánh hạnh. Trái lại, làm 5 việc trên đối với các Đức Phật khác, Bồ-tát khác thì gọi là Tạp hạnh.

Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa-môn Thiện Đạo tập ký: “Lại nữa, trong phần chánh hành này cũng có hai thứ: (a) Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, đi đứng ngồi nằm, không kể thời gian lâu mau, niệm niệm bất xả, đó gọi là Chánh định nghiệp, vì thuận theo bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. (b) Nếu nương vào sự lễ bái, đọc tụng, v.v. thì gọi là Trợ nghiệp. Ngoài hai hành chánh trợ này, các thiện hành khác của mình, đều gọi là Tạp hành. Nếu tu cả hai hành chánh trợ, thì tâm thường gần gũi, nhớ nghĩ không ngừng, gọi là Vô gián hành. Nếu tu tạp hành, thì tâm thường gián đoạn, tuy có thể hồi hướng được sanh,] nhưng được gọi là Sơ tạp hành. Đó gọi là thâm tâm.”

⁴⁹ Thụ siêu (豎超): Vượt dọc. Tu hành theo Đốn giáo của các tông như Chân ngôn, Hoa Nghiêm, giáo pháp ‘tức tâm thị Phật, tức thân thành Phật’.

⁵⁰ Hoàn siêu (橫超): Vượt ngang. Chỉ cho pháp môn không cần phải trải qua thứ tự các giai vị mà hành giả có thể đạt được Vô thượng Niết bàn một cách nhanh chóng. Một trong Nhị song tứ trùng giáo phán của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản. Pháp môn này tức là ý nghĩa chân thật của bản nguyện Di Đà. Ngài Thiện Đạo, Tổ sư của tông Tịnh độ Trung Quốc, đã căn cứ vào ý nghĩa của câu: Hoàn tiệt ngũ ác thú, ác thú tự nhiên bế (橫截五惡趣, 惡趣自然閉. Cắt ngang năm đường ác, đường ác tự nhiên dứt) trong kinh Vô lượng thọ quyển hạ (Đại 12, 274 trung) mà lập thuyết Hoàn siêu đoạn tứ lưu (Vượt ngang dứt bốn dòng), tức có hàm nghĩa Nhất thừa đốn giáo trong đó. Ngài Thân Loan, Tổ khai sáng của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản, noi theo thuyết của ngài Thiện Đạo, cho rằng Hoàn siêu tức là ý nghĩa chọn Báo độ chân thật của bản nguyện thì liền được vãng sanh. Cũng tức là đối với bản nguyện của

Nhị duyên (二緣): Hai duyên (kết nối): một là, Vô duyên; hai là, Hữu duyên. Tịnh độ tông là giáo pháp ‘hữu duyên’⁵¹.

Nhị trú (二住): Hai trú ở: một là, Chi trú (止住, dừng lại); hai là, Bất trú (不住, không còn). Kinh giáo Tịnh độ sẽ trú ở trong một trăm năm sau thời kỳ giáo pháp đã diệt vong⁵² và mang lại lợi ích cho hữu tình. Bất trú là các thiện pháp của Thánh đạo sẽ được nhập vào và cất giấu trong cung điện của Long vương.

Pháp nghĩ bàn và pháp không thể nghĩ bàn: Pháp có thể nghĩ bàn bao gồm 84.000 thiện pháp của Thánh đạo. Giáo pháp Tịnh độ là giáo pháp không thể nghĩ bàn.

Đây là những pháp số. Nên hỏi người nào hiểu biết về giáo pháp, vì tôi không thể trình bày chi tiết trong bức thư này. Mắt tôi đã mờ, tôi đã quên mọi thứ, và tôi không ở vị trí để giải thích rõ ràng cho người khác. Hãy tìm hỏi các học giả Tịnh độ về chúng.

Trân trọng. Trân trọng.⁵³

Phật Di Đà một lòng tin sâu, không hoài nghi, theo nguyện lực của Ngài mà tu hành, tâm không tán loạn, thì sau khi mạng chung sẽ trực tiếp được sanh về Báo độ chân thật. Vì Hoàn siêu là nhờ vào bản nguyện tha lực của Phật nên bản nguyện của Ngài cũng được gọi là Hoàn siêu đại thế nguyện. Ngoài ra, do sự hồi hướng bản nguyện lực của tín tâm kim cương có khả năng cắt ngang 5 đường ác, vượt chướng Đại niết bàn, cho nên cũng gọi là Hoàn siêu kim cương tâm. [X. Quán kinh huyền nghĩa phần (Thiện đạo); Giáo hành tín chứng Q.3; Hiến tịnh độ chân thực tín văn loại; Hiến tịnh độ phương tiện hóa thân độ văn loại; Ngu ngốc sao Q.thượng; Duy tín sao văn ý]

⁵¹ Vãng Sanh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký: "Hữu duyên đều được vào, Người tự đến, thật hiếm," "Riêng cầu cõi hữu duyên, Mong được sớm, không chậm," "Tuệ lực nêu Vô thượng, Thân quang sẵn hữu duyên," "Gởi lời bạn đồng hành hữu duyên, Nỗ lực chuyển mê về quê nhà," "Hàng duỗi trăm ức tay quang vương, Khấp nhiếp hữu duyên về bốn quốc," "Hữu duyên chúng sanh mong sáng chiếu, Tăng trưởng trí tuệ vượt ba cõi," "Khuyến kẻ hữu duyên thường nghĩ nhớ, Dứt hẳn bào thai, chứng sáu thông."

⁵² Pháp diệt bách tuế (法滅百歲): Kinh Vô Lượng Thọ: "Đời tương lai, lúc kinh pháp diệt tận, ta dùng oai lực từ bi đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm, có chúng sanh nào gặp kinh này thì tùy ý họ nguyện cầu đều được độ thoát." Về thời kỳ pháp diệt, xem các kinh: Kinh Đại Tập, phần Nguyệt Tạng (大集經, 月藏分); Kinh Pháp Diệt Tận (法滅盡經), Kinh Địa Tạng Thập Luân (地藏十輪經), Kinh Phật Tạng (佛滅經), Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi (像法決疑經), Kinh Tịnh Độ Tam Muội (淨度三昧經). Niệm Phật "Pháp diệt trăm năm" được đề cập trong Đại Kinh, và Niệm Phật "Ba phẩm hạ vãng sanh" được đề cập trong Quán Kinh, đều là "Bạch mộc chi niệm Phật" (白木之念佛, Chất phác niệm Phật). 'Bạch mộc' là chỉ cho cây gỗ mới chặt từ núi đem về, chưa sơn phết, chưa chạm trổ. Chúng ta cứ đem cái tín tâm chân thật ra mà niệm Phật, được vậy thì khả dĩ rồi, đây gọi là 'Chất phác niệm Phật'.

⁵³ Anakashiko Anakashiko (あなかしこ あなかしこ) có thể hiểu là "Tôi trân trọng truyền đạt thông điệp này cho bạn" và "tôi trân trọng đối mặt với những lời dạy và chính bản thân mình".

Ngày 3 tháng Ba nhuận

Thân Loan

(9) Nguyện danh đồng nhất

Tôi đã đọc kỹ bức thư của ông. Tôi không nghĩ sự nghi ngờ này là tự nhiên. Mặc dù chúng ta nói về Thệ nguyện và Danh hiệu, nhưng đây không phải là hai điều khác nhau. Không có Danh hiệu tách biệt với Thệ nguyện, và không có Thệ nguyện tách biệt với Danh hiệu. Tuy nhiên, ngay cả khi nói như vậy, cũng là sự kè đặc của mình. Nếu tin rằng Thệ nguyện là bất tư nghị, tin rằng Danh hiệu là bất tư nghị và xưng niệm Danh hiệu ấy, thì không cần phải sử dụng sự kè đặc của mình.

Có một quan điểm khác cho rằng, “Tin vào sự bất tư nghị của Thệ nguyện là Tha lực và tin vào sự bất tư nghị của Danh hiệu là Tự lực”, nhưng điều này là hoàn toàn sai lầm. Có vẻ như mọi nỗ lực để nghe và hiểu điều này chỉ làm cho ông thêm bối rối. Không nên quá quan tâm đến những gì ngoài tầm suy nghĩ của con người. Không được có sự kè đặc nào trong hành nghiệp dẫn đến vãng sanh. Ông chỉ cần giao phó đời mình cho Như Lai.

Trân trọng. Trân trọng.

Ngày 5 tháng Năm

Thân Loan

Gởi cho Giáo Danh Phòng⁵⁴

⁵⁴ Vào đầu mùa xuân năm 48 tuổi, Thân Loan Thánh nhân được Motonori Shoji, một thành viên của gia tộc Kasama quyền lực, mời đến. Con trai của Motonori đã được đặt pháp danh là Giáo Danh Phòng (教名房) và trở thành đệ tử của Thân Loan.

Xin hãy cho những người khác xem bức thư này. Chúng ta thường nói với nhau, “Tha lực lấy vô nghĩa làm nghĩa.”

(10) Nên tin Phật trí

Tôi đã đọc rất kỹ lá thư của ông. Bây giờ, tôi muốn hỏi ông về pháp môn Tịnh độ. Ông nói rằng, “Khi ‘nhất niệm phát khởi’⁵⁵ thì chúng sanh niệm Phật sẽ được nhiếp hộ bởi tâm quang vô ngại của Đức Phật, và do đó nghiệp nhân vãng sanh Tịnh độ⁵⁶ được xác định ngay đời sống thường nhật.” Điều này thực sự tuyệt vời. Tuy nhiên, mặc dù những gì ông nói là tuyệt vời, tôi e rằng nó chỉ là sự kể đặc của riêng ông. Khi đã tin vào sự bất tư nghị của Như Lai thì không nên suy nghĩ quá nhiều về điều đó.

Tôi cũng không đồng ý với nhận định của một số người cho rằng, “Tôi mong muốn xuất ly thế gian này, nhưng có rất ít nghiệp nhân để vãng sanh Tịnh độ.” Mong muốn xuất ly thế gian này và nghiệp nhân để vãng sanh Tịnh độ là đồng nhất. Tôi coi những sự kể đặc như vậy là không cần thiết. Nếu ông nhận ra rằng, “Phật trí là bất tư nghị”, thì không nên có bất kỳ sự kể đặc nào nữa. Đơn giản là, ông không nên nghi ngờ về những điều khác nhau mà mọi người nói. Chỉ cần

⁵⁵ Nhất niệm phát khởi (一念發起): Niềm tin không có chút nghi ngờ, lần đầu phát tâm tin vào bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Một niệm phát khởi thì được ánh sáng “vô ngại” của Đức Phật A Di Đà nhiếp hộ. Bình sanh nghiệp thành (平生業成): Bất cứ ai cũng sẽ được vãng sanh Tịnh độ khi họ có được niềm tin kiên cố vào tha lực của Bản nguyện mà không cần phải đợi đến lúc lâm chung. Ngài Thân Loan gọi “bình sanh nghiệp thành” là “hiện sanh chánh định tụ”. Hiện sanh chánh định tụ (現生正定聚), cũng gọi Hiện sanh bất thối (現生不退), ngay trong đời này trú ở vị Chánh định tụ (bất thối vị), tương lai ắt đạt đến quả Phật. Theo quan điểm của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản, nếu hành giả có lòng tin chân thật, vững chắc, thì nhất định vào được vị Chánh định tụ. Trong Hiến tịnh độ chân thật giáo hành chứng văn loại, quyển 3, Ngài Thân Loan cho rằng, hành giả niệm Phật ngay đời này được mười lợi ích để ‘nhập chánh định tụ’. Thán Dị Sao, chương 14: “Nhờ được quang minh của Đức Phật A Di Đà soi chiếu nên khi một niệm phát khởi, chúng ta tiếp nhận được tín tâm kim cương và được nhiếp vào địa vị Chánh định tụ.”

⁵⁶ Hành nghiệp làm nhân tố để vãng sanh Tịnh độ.

phó thác đời mình cho thế nguyện của Như Lai, và tránh kể đặc theo bất kỳ hình thức.

Trân trọng. Trân trọng.

Ngày 5 tháng Năm

Thân Loan (ký tên)

Gởi cho Tịnh Tín Phòng

Tái bút: “Tha lực có nghĩa là không có bất kỳ sự kể đặc nào.”

(11) Tín hành nhất niệm

Vào ngày 26 tháng Năm, tôi nhận được thư ông viết ngày 7 tháng Tư, và đã đọc kỹ nó. Về vấn đề ông nêu ra, mặc dù một niệm tín⁵⁷ và một niệm hành⁵⁸ là hai,

⁵⁷ Tín chi nhất niệm (信之一念): Một thuật ngữ dùng để chỉ lần đầu tiên tín tâm của một người được khai phát. Trong một sát na, sanh khởi tín tâm đối với Đức Phật A Di Đà, gọi là Tín chi nhất niệm. Thân Loan Thánh nhân đã dựa theo Nguyên thành tựu văn của nguyện thứ 18 trong Đại Kinh: “Có những chúng sinh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sinh về nước ấy, thì liền được vãng sinh ở bậc Bất thối chuyển, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp,” để mô tả sắc thái của tín tâm đó. Có hai cách giải thích về “dù chỉ một niệm” (nãi chí nhất tâm 乃至一念):

(1) Một niệm sát na: Nó chỉ cho lần đầu tiên khi tín tâm của một người khai phát để lắng nghe và chấp nhận bản nguyện của Đức Phật A Di Đà mà không có nghi ngờ. Trong Giáo Hành Tín Chứng, Tín quyển, có viết: “Nhất niệm ở đây biểu hiện khoảnh khắc cực điểm khi sự tín lạc được khai phát và biểu lộ cái tâm hoan hỷ rộng lớn, khó nghĩ bàn.”

(2) Một niệm tín tưở

ng: Nó đề cập đến việc tin tưởng vào sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà mà không nghi ngờ gì. Trong Giáo Hành Tín Chứng, Tín quyển, có viết: “Nhất niệm: tín tâm thì không có hai tâm, nên gọi là Nhất niệm. Đó gọi là Nhất tâm.”

⁵⁸ Hành chi nhất niệm (行之一念): Một niệm Hành. Niệm là xưng niệm, chỉ cho “một tiếng xưng danh”. Trong Giáo Hành Tín Chứng, Hành quyển, đã viết: “Cho nên kinh Đại Bản nói: ‘Phật bảo Di Lặc: Có ai được nghe danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ mà hoan hỷ phẫn chấn, dù chỉ một niệm, phải biết người ấy đã được lợi lớn, là đã đầy đủ công đức vô thượng.’”

Cụm từ “dù chỉ một niệm” này chỉ định cho “Hành chi nhất niệm”. Có hai cách diễn giải về “dù chỉ một niệm” (nãi chí nhất niệm 乃至一念):

(1) Một niệm biến số: Đó là một tiếng xưng niệm đầu tiên sau khi có được tín tâm, trong đó danh hiệu trở thành hoạt dụng như âm thanh của chúng sanh. Trong Giáo Hành Tín Chứng, Hành quyển có viết: “Một niệm của hành là ‘con số biến xưng danh’, là chỉ bày và lựa chọn sự dị hành chí cực.” [Dị hành chí cực (易行至極): Dễ làm tột cùng.

nhưng không có hành tách biệt với tín, cũng không có một niệm tín tách biệt với một niệm hành.⁵⁹ Xưng niệm danh hiệu dù chỉ một tiếng, cho đến mười tiếng, thì chắc chắn được vãng sanh Tịnh độ, bởi vì danh hiệu vốn thành tựu ở trong bản nguyện rồi.⁶⁰ Nghe bản nguyện này và hoàn toàn không nghi ngờ là một niệm tín. Như vậy, mặc dù tín và hành là hai, nhưng vì tín là để lắng nghe và không nghi ngờ rằng mình được Đức Phật A Di Đà cứu độ chỉ bằng một tiếng xưng danh, đó là hành được thành tựu. Thế nên, không có tín tách biệt với hành, và đây là lời dạy mà tôi đã nhận được [từ Pháp Nhiên Thượng nhân]. Hơn nữa, không có hành tách biệt với tín. Cả hai nên được hiểu là Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Về phần chúng ta, hành và tín là cách tiếp cận toàn diện với Bản nguyện.

Trân trọng. Trân trọng.

Nếu ông khỏe, bằng mọi cách hãy đến thăm tôi ở Kyoto.

Ngày 28 tháng Năm [năm 1256]⁶¹

Thân Loan

Trả lời Giác Tín Phòng⁶²

Bất kể ai, khi nào, ở đâu, lý do là gì, mọi người có thể xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà. Việc dễ làm trong những việc dễ làm không gì bằng “bản nguyện xưng danh”.]

(2) Một niệm hành tướng: Nghĩa là chỉ xưng niệm danh hiệu Đức Phật và không thực hành các hạnh khác cùng lúc. Trong Giáo Hành Tín Chứng, Hành quyển, có viết: “Chuyên niệm, tức là một hành, sắc thái không hai hành. Đức Phật phó chúc Bồ tát Di Lạc: Một niệm tức là một tiếng. Một tiếng tức là một niệm. Một niệm tức là một hành. Một hành tức là chánh hành. Chánh hành tức là chánh nghiệp. Chánh nghiệp tức là niệm Phật, đó là Nam mô A Di Đà Phật vậy.”

⁵⁹ Trong Tịnh độ Chân tông, trọng tâm là tín, nhưng không có tín nếu không có hành, và không có hành nếu không có tín. Đây là lý do người ta nói, “Niềm tin mà không có hành động là trò chơi của ý tưởng, và hành động mà không có niềm tin là tiếng kêu bất an,”

⁶⁰ Vãng Sanh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, 1 quyển, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 438c06: “Thâm tâm, tức là chân thật tín tâm. Tín biết tự thân là phàm phu có đủ các phiền não, thiện căn mỏng ít, lưu chuyển ba cõi, chưa ra khỏi nhà lửa. Ngày nay tin biết bản thệ nguyện rộng lớn của Đức Phật A Di Đà và xưng danh hiệu [của Ngài] tối thiểu mười tiếng, thì chắc chắn được vãng sanh, dù chỉ một niệm mà không có lòng nghi, nên gọi là thâm tâm.” Và tr. 441c19: “Ai nghe được danh hiệu, Đức Phật A Di Đà, Hoàn hỷ đến nhất tâm, Sẽ được sanh nước kia.”

⁶¹ Thư trả lời của Thân Loan Thánh nhân vào ngày 28 tháng 5 năm 1256, Kiến Trường (建長) thứ 8, cho thấy rằng nó được viết khi Thân Loan 84 tuổi.

⁶² Giác Tín Phòng (覺信房): Theo Giao Danh Diệt, ông sống ở Cao Điền, nước Hạ Dã (huyện Haga, tỉnh Tochigi ngày nay). Cha của Khánh Tín (慶信). Xem Khẩu Truyền Sao, mục 14. Hai năm sau bức thư này, Giác Tín Phòng và các bạn đồng hành đã rời Cao Điền đến Kyoto để gặp Thân Loan, nhưng trên đường đi, ông đã bị bệnh. Nếu tôi phải

Tôi rất vui mừng khi biết rằng Chuyên Tín Phòng hiện đang ở gần Kyoto. Ngoài ra, tôi đã nhận được 300 đồng mon⁶³ từ hảo tâm của ông và tôi thực sự biết ơn.

(12) Niệm Phật sanh Báo độ

Trả lời câu hỏi của ông về niệm Phật: Thật là sai lầm khi coi thường những người tin vào “Niệm Phật vãng sanh”⁶⁴, nói rằng họ sẽ được sanh vào Biên địa. Vì Đức Phật A Di Đà có thể nguyện tiếp đón những ai xưng niệm Danh hiệu của Ngài về cõi Cực Lạc, và như vậy, việc phó thác bản thân bằng sự thâm tín và xưng niệm Danh hiệu là hoàn toàn phù hợp với Bản nguyện. Mặc dù một người có thể có tín tâm, nhưng nếu người đó không xưng niệm Danh hiệu thì cũng vô ích. Dù một người nhiệt thành xưng niệm Danh hiệu, nhưng nếu tín tâm của người đó hời hợt, người đó không thể được vãng sanh. Như vậy, Vì vậy, nếu hành giả thâm tín vào

chết, tôi sẽ chết ngay cả khi tôi trở về nhà, và tôi sẽ chết ngay cả khi tôi ở lại. Tôi thà chết bên cạnh Thánh nhân. Giác Tín Phòng qua đời ngay sau khi đến Kyoto, và những lời trần trối của ông được ghi lại trong "Khẩu Truyền Sao" của Giác Như Thượng nhân. Khi Thân Loan thấy hơi thở của Giác Tín Phòng khó nhọc đến mức gần như ngừng thở, ông đã hỏi thăm ông, và Giác Tín Phòng trả lời, "Con biết rằng con phải đền ơn Đức Phật vì đã cho con lợi ích lớn vãng sanh, vì vậy con đang xưng danh theo cách này để đền ơn Phật." Nghe vậy, Thân Loan trả lời, "Tôi không phải là Đức Phật, nhưng tôi là một người biết ơn." Khi nghe vậy, Shinran đã viết, "Tôi đã rất xúc động đến nỗi đã khóc hàng ngàn giọt nước mắt vui mừng. Mặc dù điều này có thể hơi cường điệu, nhưng cảnh tượng của khoảnh khắc đó dường như hiện ra trước mắt."

⁶³ Mon (文, văn) là tiền tệ của Nhật Bản từ thời Muromachi năm 1336 cho đến đầu thời Meiji năm 1870. Nó được lưu hành cùng với Kun (貫, quán). Một kun tương đương với 1000 mon. Bấy giờ, 1 Kun có thể mua được một tạ gạo.

⁶⁴ Duy Tín Sao: “Niệm Phật vãng sanh: xưng danh hiệu của A Di Đà Phật, mà nguyện vãng sanh. Tùy thuận bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, nên gọi là Chánh định nghiệp. Nương vào nguyện lực tiếp dẫn của Đức Phật A Di Đà, nên gọi là Tha lực vãng sanh.” Trái ngược Niệm Phật vãng sanh là Chư hành vãng sanh: “Chư hành vãng sanh: hoặc hiểu thuận với cha mẹ, hoặc phụng sự Sư trưởng, hoặc giữ 5 giới, 8 giới, hoặc hành bố thí, nhẫn nhục, cho đến, hồi hướng Tam mật⁶⁴ và hạnh Nhất thừa⁶⁴, cầu nguyện vãng sanh Tịnh độ. Những hành nghiệp như thế chẳng phải không thể vãng sanh. Tất cả thực hành đều là thực hành của Tịnh độ vậy. Nhưng những hành nghiệp này là chính mình gắng sức thực hành để cầu vãng sanh Cực lạc, nên gọi là Tự lực vãng sanh. Nếu hành nghiệp sơ sài thì khó được vãng sanh, vì không khế hợp với bản nguyện của Đức Phật A Di Đà nên họ không được quang minh “nhiếp thủ” soi chiếu.”

“Niệm Phật vãng sanh” và xưng niệm Danh hiệu mà không có nghi ngờ, thì người ấy chắc chắn sẽ được vãng sanh Báo độ.

Tóm lại, mặc dù người ta có xưng niệm Danh hiệu, nhưng nếu họ không phò thác đời mình cho Bản nguyện, tức là Tha lực, thì chắc chắn họ sẽ sanh vào Biên địa. Nhưng làm sao những người hết lòng tin tưởng vào Tha lực của Bản nguyện cũng được sinh vào đó? Hãy niệm Phật thì hiểu rõ những gì tôi đã giải thích ở trên.

Bây giờ tôi đã chạm ngưỡng của tuổi già⁶⁵, tôi sẽ sanh về Tịnh độ trước ông. Tôi chắc chắn sẽ đợi ông ở đó.

Trân trọng. Trân trọng.

Ngày 13 tháng Bảy

Thân Loan

Trả lời Hữu A Di Đà Phật⁶⁶

(13) Nhiếp thủ bất xả

Về việc “nhiếp thủ bất xả”, Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sanh Tán⁶⁷ có nói: “Kính bạch tất cả thiện tri thức cầu vãng sanh, phải hết sức xấu hổ. Đức Thích Ca Như Lai thật là cha mẹ Từ bi, dùng các thứ phương tiện để phát khởi vô thượng tín tâm⁶⁸ nơi chúng ta.” Như vậy, tín tâm chân thật được thiết lập là nhờ sự hoạt dụng của Đức Thích Ca và Đức Di Đà. Người nào không có nghi ngờ về sự vãng sanh của mình thì biết rằng người ấy đã được “nhiếp thủ”. Một khi đã được

⁶⁵ Bây giờ Thân Loan đã 90 tuổi, Kiến Trường (建長) thứ 2, 1262.

⁶⁶ Hữu A Di Đà Phật (有阿彌陀佛): Một đệ tử của Thân Loan, thân thể không rõ.

⁶⁷ Y Quán Kinh Minh Bát Chu Tam Muội Hành Đạo Vãng Sinh Tán (依觀經等明般舟三昧行道往生讚), No. 1981, Đại sư Thiện Đạo tuyển chọn, tr. 448a22.

⁶⁸ Vô thượng tín tâm (無上信心): Chỉ cho tam tín về Tha lực. Tam tín là Chí tâm, Tín lạc tâm và Dục sinh tâm.

“nhiếp thủ” thì hành giả không còn kể đặc gì nữa. Cho đến khi vãng sanh Tịnh độ, người ấy sống trong sự không thoái chuyển, nên được cho là an trú địa vị Chánh định tự.

Bởi vì tín tâm chân thật được phát khởi thông qua hoạt dụng của hai bậc Thế Tôn là Thích Ca Như Lai và Di Đà Như Lai, nên thời điểm mà tín tâm được thiết lập là thời điểm hành giả được nhiếp thủ. Sau đó, người đó thực sự an trú trong sự không thoái chuyển cho đến khi vãng sanh Tịnh độ. Trên hết, tha lực có nghĩa là không được có một chút kể đặc nào.

Trân trọng.

Ngày 6 tháng Mười

Thân Loan

Trả lời Chân Phật Phòng

(14) Thắc mắc của Khánh Tín Phòng

Con cung kính gửi lá thư sau đây.

Kinh Vô Lượng Thọ có cụm từ “Tín tâm hoan hỷ,” và một bài hòa tán trong Tịnh Độ Hòa Tán của Thầy, cũng dẫn Kinh Hoa Nghiêm⁶⁹, nói rằng:

⁶⁹ Kinh Đại Niết-bàn No. 374, Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch, quyển 32, phẩm Bồ-tát Sư Tử Hống, tr. 556c14-557a02: “Này thiện nam! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì đại từ đại bi thường theo Bồ tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ được đại từ đại bi, cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh’. Đại từ đại bi, gọi là Phật tánh. Phật tánh, gọi là Như Lai. Đại hỷ đại xả, gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì Đại Bồ tát nếu chẳng thể xả bỏ hai mươi lăm hữu thì không thể đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì các chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được [Vô thượng Bồ-đề], cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh’. Đại hỷ đại xả tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh, gọi là đại tín tâm. Vì sao? Vì do tín tâm nên Đại Bồ tát có thể đầy đủ Đản na ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được đại tín tâm, cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh’. Đại tín tâm tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh, gọi là Nhất tử địa. Vì sao? Vì do nhân duyên Nhất tử địa nên Bồ tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được Nhất tử địa, cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh’. Nhất tử địa tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai.”

“Hoan hỷ, tín tâm vô nghi ấy”⁷⁰

Kinh nói: “Ngang bằng chư Như Lai.”⁷¹

Đại tín tâm tức là Phật tánh

Phật tánh ấy tức là Như Lai.”⁷²

Tuy nhiên, có vẻ như có một số người chuyên tu hiểu lầm và coi tuyên bố của những người bạn đồng hành rằng, ‘Người hoan hỷ trong tín tâm ngang hàng với Như Lai’, là phản ánh quan điểm tự lực và thiên về giáo lý Chân ngôn. Con không muốn phán xét người khác, nhưng để làm rõ vấn đề này, con viết thư cho Thầy.

Có một bài hòa tán khác:

“Người có được chân thật tín tâm

Liên nhập vào hàng Chánh định tụ

Trú ở ngôi vị Bất thối chuyển

Nhất định sẽ đến được diệt độ.”⁷³

Câu “Nhất định sẽ đến diệt độ” có nghĩa là khi thân hoại mạng chung, hành giả có tín tâm chân thật sẽ vãng sanh Báo độ, người ấy trở thành nhất vị với tâm

⁷⁰ Khuyến Giới Nhị Môn (勸誡二門): Chỉ cho Khuyến tín môn (勸信門) và Giới nghi môn (誡疑門). Chỉ có lòng tin mới vào được biển Phật pháp, vì thế khuyên vững niềm tin và răn dứt mối ngờ vực. Kinh Hoa Nghiêm (bản dịch cũ) quyển 60 (Đại 9, 788 thượng): “Nghe pháp mà hoan hỷ, sanh lòng tin không nghi, mau thành đạo Vô thượng.” Kinh Hoa Nghiêm (bản dịch mới) quyển 14 (Đại 10, 72 trung): “Tín là nguồn đạo, mẹ công đức, tăng trưởng hết thảy các thiện căn, cắt đứt lưới nghi, thoát sông ái.” Tịnh độ tông của Nhật bản đối với hai tâm chân thật và hư vọng, đem tâm chân thật phối hợp với Khuyến tín môn, tâm hư giả phối hợp với Giới nghi môn. Cũng có thuyết cho rằng khuyến tiến lòng tin vào tha lực là Khuyến tín; răn ngừa sự nghi hoặc của tự lực là Giới nghi. Lại nữa, chiết phục ma pháp là Giới, nhiếp thọ chánh pháp là Khuyến.

⁷¹ Kinh Hoa Nghiêm, No. 278, Phật đà bạt đà la dịch: Quyển 9: “Bồ tát công đức lực, Ngang bằng chư Như Lai.” (菩薩功德力, 與諸如來等, 455a03), “Thành tựu trí tuệ lực, Ngang bằng chư Như Lai.” (成就智慧力, 與諸如來等, 456a16), “Cảnh giới trí tuệ kia, Ngang bằng chư Như Lai.” (彼智慧境界 與諸如來等, 456c05). Quyển 33: “Bồ tát biết như vậy, Đủ Phổ Hiền hạnh địa, Thành tựu Nhất thiết trí, Ngang bằng chư Như Lai.” (菩薩如是知, 具普賢行地, 成就一切智, 與諸如來等, 609c12), “Được Vô ngại cảnh trí, Ngang bằng chư Như Lai.” (得無礙境智, 與諸如來等, 611b26). Quyển 60, phẩm Nhập Pháp Giới: “Nghe pháp này hoan hỷ, Ai tín tâm không nghi, Mau thành Vô thượng đạo, Ngang bằng chư Như Lai.” (聞此法歡喜, 信心無疑者, 速成無上道, 與諸如來等, 788a29).

⁷² Tịnh Độ Hòa Tán, bài 94: Hoan hỷ tín tâm vô nghi giả, Kinh ngôn dĩ chư Như Lai đẳng, Đại tín tâm tức thị Phật tánh, Phật tánh giả tức thị Như Lai. (歡喜信心無疑者, 經言與諸如來等, 大信心即是佛性, 佛性者即是如來.)

⁷³ Tịnh Độ Hòa Tán, bài 59: Hoạch đắc chân thật tín tâm giả, Tức nhập Chánh định tụ chi số. Trú ư bất thối chuyển vị cố, Nhất định khả đắc chí diệt độ. (獲得真實信心者, 即入正定聚之數, 住於不退轉位故, 必定可得至滅度.)

quang của Như Lai, vì người ấy không tách rời với bản thể của thọ mạng vô lượng và đức dụng của quang minh vô lượng. Thế nên nói “Đại tín tâm tức là Phật tánh, Phật tánh ấy tức là Như Lai.”

Theo hiểu biết của con, điều này tương ứng với lời nguyện thứ mười một, thứ mười hai và thứ mười ba.⁷⁴ Con không thể diễn tả trọn vẹn niềm vui của mình khi biết những thệ nguyện đại từ bi mà Đức Phật A Di Đà đã thiết lập để cứu độ những chúng sanh tội ác thâm trọng như con, những thệ nguyện vượt qua mọi suy nghĩ và mọi ngôn từ. Từ vô thủy khoáng kiếp, chúng con đã tự lực phát khởi Đại Bồ đề tâm từ hằng hà sa số chư Phật xuất thế trong quá khứ xa xôi, nhưng tự lực của chúng con đã thất bại. Tuy nhiên, giờ đây, được hướng dẫn bởi phương tiện từ bi của hai Đức Thế Tôn, chúng con từ bỏ sự tạp hành tạp tu, đoạn trừ tâm lý tự lực và nghi ngờ⁷⁵. Nhờ sự “nhiếp thủ bất xả” của Vô Ngại Quang Như Lai mà không còn tâm nghi ngờ nữa, và những ai niệm Phật dù chỉ một lần cũng đã xác định vãng sanh. Khi tin rằng thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà là bất tư nghi⁷⁶, thì có thể nghĩ mọi thứ đều chỉ dành riêng cho con: Thánh giáo Tịnh Độ mà con được

⁷⁴ Nguyện thứ 11: "Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng an trụ Chánh định tụ, quyết đến diệt độ thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác."

Nguyện thứ 12: "Giả sử khi tôi thành Phật, quang minh có hạn lượng, tối thiểu chẳng chiếu đến trăm ngàn ức na do tha cõi nước chư Phật thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác."

Nguyện thứ 13: "Giả sử khi tôi thành Phật, thọ mạng có hạn lượng, tối thiểu là trăm ngàn ức na do tha kiếp thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác."

⁷⁵ Theo Tịnh độ tông, tự lực nghi tâm (自力疑心) đặc chỉ cho ác kiến. Quán Kinh Sớ, phần Tán thiện nghĩa của Đại sư Thiện Đạo nêu ra thí dụ “hai sông tham sân”, nghĩa là tín tâm của những người biệt giải, biệt hành, ác kiến lấy kiến giải hư vọng, mê hoặc, rối loạn để nguyện sanh Tây phương. Trong Ngũ Góc Sao, Thân Loan Thánh nhân giải thích: “*Những người có biệt giải, biệt hành, ác kiến v.v. họ nói ra những kiến giải sai lầm, luân phiên làm cho mê hoặc, rối loạn, khiến tự tạo tội mà lui sụt*: là chỉ cho những người kiêu mạn, giải đãi, tà kiến, nghi tâm.” Một pháp niệm Phật là Chân môn, còn chư thiện vạn hạnh khác là Giả môn. Giả môn, pháp Định tán yếu môn được nói trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, tức là Định thiện Tán thiện thu nhiếp giáo pháp một đời làm phương tiện đi vào môn hoằng nguyện niệm Phật yếu môn, đây là ý trong nguyện thứ 19, gọi là Phương tiện giả môn. Chân môn, danh hiệu thiện bản đức bản được nói trong Kinh A Di Đà, tức kinh này bỏ vạn hạnh chư thiện khác, mà quay về một hạnh niệm Phật, để trừ tự lực nghi tâm, đây theo ý trong nguyện thứ 20, gọi là Chân môn. Và hai môn này đều hòa nhập vào Tha lực hoằng nguyện phương tiện của nguyện thứ 18.

⁷⁶ Thán Dĩ Sao: “Được sự cứu độ bởi bản nguyện bất tư nghi của Đức Phật A Di Đà thì chắc chắn chúng ta được vãng sanh. Khi có được tín tâm như thế thì từ sâu thẳm nội tâm, chúng ta sẽ nghĩ đến việc niệm Phật. Đó là lúc chúng ta đang tiếp nhận lợi ích “nhiếp thủ bất xả” của Đức Phật.”

lắng nghe, bậc thiện tri thức mà con được gặp, sự “nhiếp thủ bất xả” [của Đức Phật], tín tâm, niệm Phật.

Bây giờ, sau khi được Thầy khai sáng, tâm con trống rỗng, nhìn vào ý thú, lãnh giải nguyện ý, cầu được đường thẳng, con tin chắc sẽ đến được Báo độ chân thật. Bây giờ, dù chỉ “một niệm nghe danh hoan hỷ”, đều là nhờ ân đức cao cả của Thầy. Hơn nữa, điều này được ghi rõ trong Di Đà Kinh Nghĩa Tập⁷⁷. Tuy nhiên, trong sự hối hả của thế gian, có quá nhiều việc khác nhau để làm đến nỗi không chỉ một lần, mà còn hai hoặc ba lần, con đã giải đãi việc niệm Phật. Tuy nhiên, dù ngày hay đêm, việc niệm Phật không rời khỏi tâm trí con, bởi vì con hoan hỷ trước tâm đại bi, đại nguyện, đại nghiệp, đại lực của Đức Phật A Di Đà⁷⁸. Bất kể đi đứng ngồi nằm, không kén thời xứ hay bất tịnh, con vững chãi một tín tâm kim cương này. Con xưng niệm Danh hiệu để đáp đền ân đức sâu nặng của Đức Phật và có niềm vui từ tình thương của Thầy, nhưng đối với con, việc niệm Phật không phải là thời khóa hàng ngày.

Con tự hỏi làm như vậy có sai không? Đại sự một đời không gì qua việc này. Nếu điều này là đúng, con muốn được khai thị đầy đủ từ Thầy. Con đã viết ra một phần suy nghĩ của mình. Mặc dù con sống ở Kyoto một thời gian dài, nhưng con không thể tĩnh tâm do công việc bận rộn của mình. Giờ đây con hối tiếc về điều này và khao khát có thể thoát mọi công việc để trở về bên Thầy, ít nhất năm ngày để tĩnh tâm, phục vụ dưới chân Thầy và lắng nghe những lời dạy.

Than ôi! Con có thể nói ra được điều này tất cả là nhờ vào sức mạnh ân điển của Đức Phật.

Cung kính dâng lên Ân sư Thân Loan

⁷⁷ Di Đà Kinh Nghĩa Tập (彌陀經義集) do Pháp Nhiên tập ký.

⁷⁸ Đại sư Thiện Đạo nói: “Tất cả hạng phàm phu thiện ác đều được vãng sanh, không ai không nương vào đại nguyện, đại nghiệp, đại lực của Đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên.”

Liên Vị Phòng⁷⁹, xin chuyển bức thư này.

Ngày 10 tháng Mười

Khánh Tín⁸⁰

Tái bút:

Trong số người niệm Phật, có những người xưng niệm “Nam mô A Di Đà Phật” và xen giữa niệm thêm “Vô Ngại Quang Như Lai”. Một số người nghe điều này và nói, “Sau xưng niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’ lại xưng niệm ‘Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai’, sẽ là một phong tục quê mùa.” Điều này thế nào? Con xin muốn nghe lời dạy.

Trả lời của Thân Loan

Sẽ là sai lầm khi cho rằng người niệm Phật chỉ nên xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật, ngoài ra không nên xưng niệm Vô Ngại Quang Như Lai. Một người chỉ trích điều này, nói rằng xưng niệm "Nam Mô A Di Đà Phật" rồi xưng niệm “Quy mạng tận thập phương Vô Ngại Quang Như Lai” là không đúng. Bức thư này được viết ra để phản hồi, rằng là việc chỉ trích theo cách đó là sai lầm. Mặc dù danh hiệu A Di Đà có thể khác với danh hiệu Vô Ngại Quang, nhưng tâm thể là đồng nhất. ‘Quy mạng’ tương ứng với ‘Nam mô’. Vô Ngại Quang Như Lai là quang minh, và đó là trí tuệ. Trí tuệ này chính là A Di Đà Phật. Vì mọi người không biết sắc thái của Đức Phật A Di Đà, Bồ tát Thế Thân đã dốc hết mọi khả

⁷⁹ Liên Vị Phòng (蓮位房): Tên của ông được tìm thấy trong Giao Danh Diệp với ghi chú "đệ tử cư trú ở Lạc Trung (Rakuchū)". Sau khi trở về Kyoto, ông phục vụ như một cộng sự thân cận của Thân Loan. Ông được cho là người sáng lập Gia tộc Shimotsuma (Hạ Gian Thị 下間氏) của Bản Nguyên Tự.

⁸⁰ Khánh Tín Phòng (慶信房): Trong Giao Danh Diệp thấy ghi là “sống ở Cao Điền, Hạ Dã”, là con của Giác Tín (1224-1283), theo ghi chú của Liên Vị Phòng.

năng của mình, diễn tả rõ ràng để chúng ta có thể biết sắc thái của Đức Phật A Di Đà.

Ngoài ra, tôi đã thực hiện một số chỉnh sửa nhỏ trong cách diễn đạt của lá thư của ông.

Trả lời của Liên Vị

Tôi đã chuyển nội dung lá thư của ông một cách chi tiết cho Thánh nhân, và ngài tuyên bố rằng nó hoàn toàn không có lỗi. Tuy nhiên, liên quan đến tuyên bố, "Sự vãng sanh được xác quyết bằng cách xưng niệm Danh hiệu dù chỉ một lần, và con nhận ra đây là sự bất tư nghị của Bản nguyện", ngài bình luận rằng, mặc dù điều này có vẻ đúng, niệm Phật không nên chỉ giới hạn ở một lần. Trong phần lẽ lá thư của ông, ngài đã ghi chú bằng chính tay mình rằng, đoạn văn này có lỗi. Ngài đã hướng dẫn tôi làm điều này, nhưng tôi nghĩ rằng ông sẽ thấy chính bài viết của ngài là sự xác minh thuyết phục. Lá thư của ông đã thúc đẩy Thánh nhân tự viết thư, mặc dù lúc đó ngài đang bị ho.

Ngoài ra, những người đã đến Kyoto báo cáo rằng, có những cuộc tranh luận đang diễn ra ở vùng nông thôn, ví dụ như có người đang thảo luận về vấn đề ngang hàng với Bồ tát Di Lặc. Tôi ghi lại ở đây một đoạn mà Thánh nhân đã viết về điều đó. Tôi hy vọng ông sẽ đọc nó:

Hơn nữa, về việc ngang bằng với Bồ tát Di Lặc: Bồ tát Di Lặc đang ở giai đoạn ngang bằng với Đẳng chánh giác. Đây là giai đoạn nhân quả của sự thành tựu. Trăng tròn hoàn hảo vào ngày mười bốn hoặc ngày Rằm, và giai đoạn này của Bồ tát Di Lặc tương ứng với mặt trăng vẫn còn nửa hình vào ngày thứ tám hoặc thứ chín. Điều này giống như việc thực hành tự lực. Đối với chúng ta, mặc dù là những chúng sanh ngu ngốc, nhưng tín tâm đã được thiết lập và giai đoạn của chúng ta là an trú Chánh định tự. Đây là giai đoạn nhân quả của sự thành tựu, giai

đoạn ngang bằng với Đẳng chánh giác. Con đường của Bồ tát Di Lặc là tự lực, còn của chúng ta là tha lực. Mặc dù có sự khác biệt này giữa tự lực và tha lực, nhưng giai đoạn nhân quả của sự thành tựu là ngang bằng. Hơn nữa, sự thành tựu Chánh đẳng giác của Bồ tát Di Lặc sẽ còn lâu mới đến, nhưng chúng ta sẽ nhanh chóng đạt đến Niết bàn. Ngài chờ đợi bình minh sau 56 ức 7 ngàn vạn năm nữa, nhưng chúng ta như thể chỉ bị ngăn cách bởi một lớp màng tre. Trong tiệm giáo và đốn giáo, giáo lý của Bồ tát Di Lặc là đốn giáo và giáo lý của chúng ta là đốn giáo trong đốn giáo.

Niết bàn là Chánh đẳng giác. Trong Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Chú, Đại sư Đàm Loan có kể về một loại cây tên là Hảo kiên.⁸¹ Cây này nằm chôn vùi dưới lòng đất trong một trăm năm, nhưng khi nó đâm chồi, nó có thể mọc dài tới một trăm trượng mỗi ngày. Cũng giống như cây trái qua một trăm năm dưới lòng đất, chúng ta kham nhẫn ở thế giới Ta Bà này, đó là giai đoạn an trú Chánh định tụ. Và cũng giống như nó mọc ra một trăm trượng chỉ trong một ngày, đó là sự đạt đến Niết bàn. Đây là một phép ẩn dụ, cho chúng ta thấy sắc thái của tha lực. Sự phát triển của cây tùng, không vượt quá vài tấc mỗi năm, rất chậm, cho chúng ta thấy sắc thái của tự lực.

Hơn nữa, về việc ngang hàng với Như Lai: Những phàm phu đầy đủ phiền não được soi chiếu bởi quang minh của Đức Phật A Di Đà mà có được “tín tâm hoan hỷ”. Bởi vì có được “tín tâm hoan hỷ” mà họ an trú Chánh định tụ. Tín tâm là trí tuệ. Trí tuệ này là trí tuệ có được từ sự nhiếp thủ của quang minh của tha lực. Quang minh của Đức Phật cũng là trí tuệ. Do đó, chúng ta có thể nói rằng, người

⁸¹ Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Chú (優婆提舍願生偈註): “Bồ tát trong nước kia có thể không từ một địa lên đến một địa. Cái gọi là thứ bậc của Thập địa, đó là một đạo ứng hóa của Thích Ca Như Lai ở Diêm phù đề, chứ Tịnh độ phương khác chắc gì là như vậy. Trong năm thứ bất khả tư nghị, Phật pháp là điều bất khả tư nghị nhất. Nếu nói Bồ tát phải từ một địa lên đến một địa, không có nguyên lý ‘siêu việt’, thì là chưa dám tường tận. Thí như có loại cây tên là Hảo kiên (vững chắc tuyệt vời). Cây này đâm chồi từ mặt đất, phải trăm năm mới đủ lớn. Cây đó một ngày cao lớn một trăm trượng, ngày nào cũng vậy. Tính sự tăng trưởng một trăm năm, có giống như cây tùng cao không? Thấy cây tùng sinh trưởng, một ngày không quá một tấc, nghe đến cây Hảo kiên kia, làm sao chẳng nghi ngờ? Cũng như có người nghe rằng: Đức Thích Ca Như Lai thuyết pháp, chúng La-hán trong một lần nghe, đạt Vô sanh trong buổi sáng sớm, bèn bảo đó là kiểu nói dẫn dụ, chẳng đúng theo sự thật.”

có được tín tâm và Như Lai là đồng nhất. Đồng nhất có nghĩa là, trong tín tâm, chúng sanh và Phật thì bình đẳng. Hoan hỷ địa biểu thị giai đoạn mà hành giả hoan hỷ trong tín tâm. Một người có “tín tâm hoan hỷ” được cho là ngang hàng với Như Lai.

Tôi đã sao chép ở đây những gì Thánh nhân đã viết một cách chi tiết.

Ngoài ra, liên quan đến câu hỏi của ông về việc xưng niệm Vô Ngại Quang Như Lai cùng với Nam mô A Di Đà Phật, Thánh nhân đã đưa ra nhận xét chi tiết bên lề lá thư của ông, vì vậy tôi sẽ trả lại nó cho ông. Dù từ ngữ có khác nhau, nhưng khi xưng niệm A Di Đà hay Vô Ngại Quang cũng cùng một nghĩa. A Di Đà là phiên âm tiếng Phạn và được dịch là Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang. Các từ tiếng Phạn và tiếng Hán khác nhau, nhưng ý nghĩa của chúng giống nhau.

Bây giờ, về Giác Tín Phòng, tôi vô cùng buồn bã trước cái chết của ông ấy, và tôi cũng nhớ về ông ấy với lòng kính trọng, vì ông ấy không bao giờ đi chệch khỏi tín tâm. Tôi đã hỏi ông ấy nhiều lần về việc tỏ ngộ tín tâm của ông ấy như thế nào. Mỗi lần ông ấy đều trả lời rằng, ông không đi chệch khỏi tín tâm. Tôi biết rằng tín tâm của ông ấy rất mạnh mẽ. Trên đường đến Kyoto, sau khi rời khỏi tỉnh của mình, ông ấy bị bệnh tại một nơi gọi là Hitoichi⁸², và mặc dù các bạn đồng hành khuyên ông nên quay về, ông trả lời, “Nếu đó là một căn bệnh nan y, tôi sẽ chết cho dù tôi có quay về hay không. Nếu bệnh thuyên giảm, dù tôi có quay về hay ở lại, thì nó cũng sẽ chấm dứt. Tất cả đều như nhau, tôi muốn chết bên cạnh Thánh nhân.” Tín tâm của ông ấy thực sự tuyệt vời. Tuyệt vời và đáng ghen tị đến nỗi nó khiến tôi nhớ đến thí dụ “hai sông nước lửa” của Đại sư Thiện Đạo⁸³. Vào

⁸² Hitoichi: Nhất Nhật Thị (一日市), nay là tỉnh Saitama (Kỳ Ngọc huyện 埼玉県, Saitama-ken), là một quận không giáp biển của Nhật Bản nằm ở vùng Kantō của Honshu.

⁸³ Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh Sớ: “‘Chốc lát liền đến bờ Tây, gặp gỡ bạn lành, vui mừng không ngớt’: là dụ cho chúng sanh lâu xa chìm đắm sanh tử, nhiều kiếp luân hồi, mê đảo tự trí, vô phương giải thoát, kính nhờ Đức Phật Thích Ca khuyến khích, dạy hướng về Tây, lại nương tựa vào tâm từ bi của Đức Phật A Di Đà mời gọi. Hôm nay đã tin tưởng và tùy thuận ý nguyện của hai Đức Phật, không quay đầu lại nhìn ‘hai sông nước lửa’, niệm niệm không dời đổi, nương vào ‘con đường’ nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, sau khi qua đời, được sanh về Cực lạc, nhìn thấy Đức Phật, vui thích nào bằng.”

lúc lâm chung, ông ấy đã thốt lên “Nam mô A Di Đà Phật”, “Nam mô Vô Ngại Quang Như Lai”, “Nam mô Bất Khả Tư Nghị Quang Như Lai”, rồi chấp tay lại, lặng lẽ ra đi.

Cho dù một người ở lại hay đi trước, chắc chắn là một điều buồn thảm khi phải chia lìa bởi cái chết. Nhưng người đầu tiên đạt được lời nguyện “át đến diệt độ” chắc chắn sẽ tiếp dẫn trước hết những người thân thiết, sau đó là những người mình kết duyên, quyến thuộc, bạn bè. Phải là như vậy, và vì tôi đã bước vào cùng con đường giáo lý với Giác Tín Phòng, tôi cảm thấy rất an tâm. Người ta nói rằng, làm cha mẹ và con cái là nhân duyên từ kiếp trước, ông cũng phải cảm thấy an tâm. Không thể diễn tả hết được cảm xúc và ấn tượng của tất cả những điều đó, vì vậy tôi sẽ dừng lại ở đây. Làm sao tôi có thể nói thêm về chúng? Tôi hy vọng sẽ nói nhiều hơn sau này.

Tôi đã đọc bức thư này cho Thánh nhân để xem có sai sót gì không, và ngài nói rằng không có gì cần thêm vào. Thánh nhân đặc biệt xúc động, đã khóc khi tôi đọc đến đoạn về Giác Tín Phòng, vì ngài vô cùng đau buồn trước cái chết của ông ấy.

Ngày 29 tháng Mười

Liên Vị

Gởi Khánh Tín Phòng

(15) Bằng với chư Như Lai

Những điều ông tìm hỏi là rất thù thắng. Kinh Hoa Nghiêm nói , “Bằng với chư Như Lai”, nghĩa là những ai đạt được tín tâm chân thật thì quyết định sẽ thành Phật, và do đó ngang hàng với chư Như Lai. Mặc dù Bồ tát Di Lặc vẫn chưa đạt

được Phật quả, nhưng chắc chắn là ngài sẽ đạt được, vì vậy ngài được gọi là Phật Di Lặc. Theo cách này, người có tín tâm chân thật được gọi là “Ngang bằng chư Như Lai”.

Mặc dù Thừa Tín Phòng không cho rằng “ngang hàng với Di Lặc”⁸⁴ là sai, nhưng ông ấy chỉ trích quan điểm cho rằng, ‘người hoan hỷ khi có được tín tâm nhờ tha lực thì ngang bằng chư Như Lai là tự lực’. Tôi thấy sự hiểu biết của Thừa Tín Phòng chưa được sâu sắc. Hãy khéo suy ngẫm.

Nếu bằng tự lực mà nói “bản thân ngang hàng với chư Như Lai” là một sai lầm lớn. Nhưng chính vì tín tâm vào tha lực, thì làm sao nói rằng, sự hoan hỷ của Tịnh Tín Phòng là tự lực? Hãy cân nhắc kỹ điều này.

Ông nên nói rõ vấn đề này với mọi người, và cũng nên tìm Thừa Tín Phòng mà hỏi.

Trân trọng.

Tháng thứ mười, ngày 21

Thân Loan

Trả lời Tịnh Tín Phòng

(16) Cẩn thận chớ phóng dật

Có những người không biết gì về nghĩa lý của Thánh giáo, không biết gì về ý thú của Tịnh độ tông, không biết hổ thẹn về sự buông thả ích kỷ và những vi phạm của mình, không nên rao giảng rằng: “Làm điều ác theo ý mình là tốt.” Điều

⁸⁴ Dữ Di Lặc đẳng (與彌勒等).

này hoàn toàn sai. Ông không biết rằng cuối cùng tôi đã cắt đứt quan hệ với Thiện Thừa Phòng⁸⁵, người sống ở quận phía bắc sao?

Nếu là một phàm phu, mặc ý làm bất cứ điều gì mình muốn, thì người đó có thể là kẻ trộm cắp hay giết người, việc ác gì mà không làm? Ngay cả người có khuynh hướng trộm cắp cũng sẽ tự nhiên thay đổi suy nghĩ nếu người đó đến để niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Tuy nhiên, những người không có tâm lý như vậy lại nói rằng, “Làm ác không tổn hại”, việc này không bao giờ xảy ra.

Bị điên loạn bởi phiền não, người ta bắt ngờ làm những điều không nên làm, nói những điều không nên nói và nghĩ những điều không nên nghĩ. Nhưng nếu một người ôm lòng ác độc với người khác, làm những điều không nên làm và nói những điều không nên nói, vì nghĩ rằng những việc đó sẽ không cản trở sự vãng sanh của mình, thì đó không phải là trường hợp bị điên loạn bởi phiền não. Bởi vì người đó cố ý làm ác, nên nó đơn giản là những hành vi sai trái, không bao giờ nên làm.

Nếu ông nói điều gì đó để ngăn chặn hành vi sai trái của người dân Kashima⁸⁶ và Namekata⁸⁷, và sửa chữa quan điểm sai lệch của người dân trong khu vực đó, thì đó là chỉ dấu ông đang đại diện cho tôi.⁸⁸

Thật đáng chê trách khi ông đã bảo mọi người hãy buông thả theo những dục vọng và làm bất cứ điều gì họ muốn. Người ta phải tìm cách loại bỏ cái ác của thế giới này và ngừng làm những việc tà vạy, khuất tất. Đây chính là người niệm Phật chán bỏ thế gian. Khi những người đã niệm Phật nhiều năm nhưng lại lăng mạ người khác bằng lời nói hoặc hành động, thì đó không phải là bằng chứng cho sự chán bỏ thế gian này. Do đó, Đại sư Thiện Đạo có dạy trong đoạn văn về “Chí

⁸⁵ Thiện Thừa Phòng (善乘房): Thân thể không rõ. Dị bản viết là Thiện Thắng Phòng (善勝房), Thiện Chứng Phòng (善證房).

⁸⁶ Lộc Đảo (鹿嶋).

⁸⁷ Hành Phương (行方).

⁸⁸ Đây cho thấy người này có thể xuất thân là môn hạ của Thân Loan. Một số người tin rằng người này đến từ Kyoto.

thành tâm” rằng, “Đối với người chẳng có thiện nghiệp thì kính trọng nhưng không gần gũi, cũng không tùy hỷ.”⁸⁹ Đã bao giờ được bảo rằng người ta phải hành động theo lý trí và trái tim của mình, điều đó là xấu xa? Người hoàn toàn không biết kinh điển và chú giải, không biết lời dạy của Như Lai, thì không bao giờ được chỉ dạy người khác theo cách này.

Hơn nữa, việc được vãng sanh Tịnh độ không phải là kết quả của sự kè đặc của một phàm phu. Chỉ khi chúng ta phó thác đời mình cho bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, thì mới có thể nói rằng đó là tha lực. Thật nực cười khi cố gắng kè đặc tha lực theo nhiều cách khác nhau.

Trân trọng. Trân trọng.

Ngày 24 tháng Mười một

Thân Loan

(17) Tự lực trong tha lực

Tôi được dạy rằng, “Trong tha lực có tự lực”. Tôi chưa từng nghe, “Trong tha lực có tha lực khác”. Nói “Trong tha lực có tự lực”, nghĩa là có những người tìm cách đạt được sự vãng sanh thông qua sự tập hành, tập tu, thiền định và niệm Phật. Những người như vậy là những người có sự tự lực trong tha lực. Tôi chưa bao giờ chấp nhận rằng, có một tha lực trong tha lực khác. Vì Chuyên Tín Phòng có kế hoạch ở lại đây một thời gian, tôi sẽ nói những điều này khi ông ấy đến.

Trân trọng.

Tôi biết ơn ghi nhận món quà 20 quan của ông.

⁸⁹ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), No. 1753, 4 quyển, Sa môn Thiện Đạo tập ký, quyển 4, tr. 271a17.

Trân trọng. Trân trọng.

Ngày 25 tháng Mười một

Thân Loan

Gởi cho Chân Phật Phòng

(18) Ngang bằng với chư Phật và không lai nghinh

Khi hành giả gặp được Thệ nguyện tha lực hồi hướng của Đức Phật A Di Đà và khi tín tâm chân thật cùng tâm hoan hỷ đã được xác định, người ấy được “nhiếp thủ bất xả”. Do đó, ngay khi có được Kim cương tâm, người ấy an trú Chánh định tụ và đạt đến địa vị như Bồ tát Di Lặc.

Vì người có tín tâm chân thật thì ngang hàng với Bồ tát Di Lặc, nên người ấy cũng được cho là ngang hàng với chư Phật. Hơn nữa, người có được tín tâm chân thật mà hoan hỷ thì được tất cả chư Phật hoan hỷ, và chư Phật tuyên bố, “Người này ngang hàng với chúng ta.” Những lời hoan hỷ của Đức Thích Ca Mâu Ni được tìm thấy trong Đại Kinh: “Nếu nghe tinh tiến cầu, Nghe pháp thường chẳng quên, Thấy kính được mừng lớn, Là bạn hiền với ta.”⁹⁰ Do đó, Ngài dạy rằng, người có được tín tâm chân thật thì ngang hàng với chư Phật.

Hơn nữa, vì Bồ tát Di Lặc chắc chắn đạt được Phật quả nên ngài được gọi là Phật Di Lặc. Thế nên, người đã có được tín tâm vào tha lực có thể được coi là ngang hàng với chư Phật. Ông không nên nghi ngờ gì về điều này.

Những người bạn đồng tu của ông nói rằng, họ chờ đợi thời khắc lâm chung. Tín tâm của họ còn chưa vững chãi. Những người thực sự có tín tâm, nhờ lợi ích

⁹⁰ Kinh Vô Lượng Thọ: “Nhuộc văn tinh tiến cầu, Văn pháp năng bất vong, Kiến kính đắc đại khánh, Tắc ngã thiện thân hữu.” (若聞精進求, 聞法能不忘, 見敬得大慶, 則我善親友.)

của thế nguyện, đã được Đức Phật A Di Đà nhiếp thủ, không bao giờ bỏ rơi. Do đó, họ không phụ thuộc vào sự lai nhình của Đức Phật A Di Đà vào thời khắc lâm chung. Người có tín tâm chưa xác quyết thì mong đợi Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn vào lúc lâm chung.

Tôi sẽ rất vui nếu ông nhận cái tên Tuy Tín Phòng⁹¹. Những gì ông viết trong thư thật tuyệt vời. Tôi không thể chấp nhận những điều các bạn đồng tu của ông đang nói, nhưng tôi không giúp gì được cả.

Trân trọng. Trân trọng.

Ngày 16 tháng Mười một

Thân Loan

Gởi Tuy Tín Phòng

(19) Chớ mặc kệ tâm mình

Tôi đã viết thư cho ông nhiều lần, nhưng tôi tự hỏi liệu ông đã đọc chúng chưa? Việc gì cũng không bằng việc những tín chúng ở Thường Lạc quốc ăn mừng bản hoài vãng sanh Tịnh độ của Minh Pháp Phòng được thành tựu. Sự vãng sanh không phải là điều mà phàm phu có thể kể đạt được, cũng không phải là bậc trí lợi căn có thể kể đạt được, cũng không phải là Thánh nhân của Đại thừa và Tiểu thừa có thể kể đạt được, mà chỉ bằng sự giao phó đời mình cho bản nguyện lực. Hướng chỉ các ông chỉ nghe nói đến bản nguyện này và gặp được danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật, đây thực sự là một quả báo hiếm có và đáng tự vui mừng, vì vậy các ông không được thực hiện mọi thứ kể đạt. Về vấn đề này, vui lòng đọc kỹ Duy Tín

⁹¹ Tên Tuy Tín Phòng (隨信房) được nhắc đến trong “Giao Danh Điệp” với tư cách là một môn hạ của Từ Thiện Phòng (慈善房).

Sao, Hậu Thế Vật Ngữ Văn Thư, Tự Lục Tha Lục Sự và các chuyên luận khác mà tôi đã gửi trước đó.⁹² Những người soạn thuật những cuốn sách như vậy là những thiện tri thức cho thời đại của chúng ta, là những người đã được tiên đạt⁹³ vãng sanh. Không ai có thể nói nhiều hơn những điều được nói trong các sách này. Họ chính là những người hiểu rõ giáo lý của Pháp Nhiên Thượng nhân. Thế nên, sự vãng sanh của Minh Pháp Phòng là rất thù thắng.

Một số người niệm Phật nhiều năm đang nghe theo những người có tà kiến, và điều này dường như vẫn đúng. Nên biết, sự vãng sanh của Minh Pháp Phòng chỉ xảy ra sau khi ông thay đổi suy nghĩ và vậy không thể tưởng tượng được của mình và thiết lập tín tâm chân thật.⁹⁴

Hành giả niệm Phật không được làm những điều không nên làm, nghĩ những điều không nên nghĩ, hoặc nói những điều không nên nói, chớ nghĩ rằng mình có thể được vãng sanh Tịnh độ bất chấp những điều đó. Con người luôn bị cuồng loạn bởi phiền não tham dục mà khởi tâm tham dục, bị cuồng loạn bởi phiền não sân khúe mà khởi tâm ganh ghét, làm ngược lại quy luật nhân quả; bị mê loạn bởi phiền não ngu si mà khởi tâm tạo tác những điều không nên nghĩ tới. Nhưng người cố tình nghĩ và làm những điều mình không nên, nói rằng điều đó là được phép vì bản nguyện bất tư nghị của Đức Phật A Di Đà là cứu độ những chúng sanh ngu muội, thì người đó không thực sự muốn từ bỏ thế gian, cũng không có ý thức cảm thấy mình là chúng sanh có nghiệp ác. Do đó, những người như vậy không có chí nguyện niệm Phật, cũng như không tin vào bản nguyện của Phật. Dù họ niệm

⁹² Việc này cho thấy Thân Loan thường tặng các bản sao của những cuốn sách này cho các học trò của mình ở vùng Kanto và khuyến khích họ đọc chúng.

⁹³ Tiên đạt (先達) Người đạt đạo trước, tức bậc tiên bối tu hành đã đạt đạo. Pháp Hoa Văn Cú Ký, quyển 9 thượng (Đại 34, 126 thượng) nói: "Các vị Đại sĩ ấy là những bậc Tiên đạt tiến lên trước, còn Di Lạc là người Mạt học lớp sau cùng." Tại Nhật Bản thì Tiên đạt là chỉ cho người hướng dẫn phong nhập (峰入, lên núi tu đạo) của phái Tu nghiệm đạo (修驗道). Tùy theo số người phong nhập nhiều hay ít mà có Chánh tiên đạt (正先達) và Đại tiên đạt (大先達) khác nhau. Chánh tiên đạt là người xuất gia tu hành được quán đánh nơi thâm sơn, cũng tức là người đã nhận lãnh pháp Tứ độ gia hạnh (四度加行); còn Đại tiên đạt là người truyền pháp đã thọ giới Cụ túc, có khả năng làm Đại Axà-lê. Về sau, từ ngữ Tiên đạt được sử dụng để gọi chung những người dẫn đường lên núi.

⁹⁴ Ở đây, nó ám chỉ đến tội ác mà Minh Pháp Phòng đã từng phạm phải.

Phật như thế nào đi nữa, họ cũng khó được thuận thứ vãng sanh⁹⁵. Xin hãy truyền đạt đầy đủ quan điểm này đến mọi người. Tôi không cần phải nói những điều này với các ông, nhưng vì có nhiều người quan tâm đến vấn đề này nên tôi sẽ nói như vậy.

Trong những năm gần đây, giáo lý niệm Phật đã trải qua rất nhiều thay đổi, tôi hầu như không cần thiết phải bình luận về chúng. Tuy nhiên, đối với những người ân cần tiếp nhận và truyền thừa chính xác giáo lý của Pháp Nhiên Thánh nhân thì nó vẫn như khi Thánh nhân còn tại thế, không có thay đổi gì cả. Điều này ai cũng biết, nên tôi chắc là ông đã nghe nói đến. Điều đau đớn là, sau khi Thánh nhân diệt độ, nhiều người đã thiết lập dị nghĩa trong Tịnh độ tông⁹⁶, mặc dù họ đều là đệ tử của Thánh nhân, nhưng họ lại giảng dạy sai lầm về tông nghĩa, tự mình sai lạc và dẫn người sai lạc. Điều này thực sự đáng chê trách. Ở kinh đô có nhiều người đang đi sai lạc hướng hồ là ở nông thôn, việc này khiến người ta bất an. Thật khó để nói hết mọi thứ trong thư, nhưng tôi sẽ kể cho ông sau.

Chuyến đi của Minh Giáo Phòng đến Kyoto thực sự được chào đón, và tôi rất vui khi được nghe trực tiếp về sự vãng sanh của Minh Pháp Phòng. Tôi cũng biết ơn những món quà tử tế từ những người ở vùng sâu núi Thường Lạc. Trong mọi trường hợp, chuyến thăm của họ là một bất ngờ lớn.

Xin hãy chắc chắn đọc lá thư này cho mọi người. Tất cả hành giả niệm Phật ở các vùng xa xôi đều nên đọc lá thư này.

Dấu hiệu của người thủy chung niệm Phật và cầu sanh Cực Lạc có thể thấy ở sự thay đổi tâm ý vốn ác độc của mình và ở sự chung sống chân thành với các bạn

⁹⁵ Thuận thứ vãng sanh (順次往生): Vãng sanh vào đời kế tiếp đời này, tức là sau khi đời này mạng chung thì vãng sanh ngay về Tịnh độ Cực Lạc. Trong 3 nghiệp quyết định (tức Thuận hiện pháp thọ nghiệp, Thuận thứ sinh thọ nghiệp và Thuận hậu thứ thọ nghiệp) nói trong luận Câu xá, quyển 15, thì Thuận thứ vãng sanh tức thuộc Thuận thứ sinh thọ nghiệp, tức nghiệp tạo tác ở đời này thì vào đời kế tiếp chịu quả dị thực, chứ không phải đợi đến đời khác mới chịu quả báo. Tịnh độ tông của Phật giáo Nhật Bản phần nhiều cho rằng nguyện thứ 18 trong 48 nguyện của đức Phật A Di Đà là nguyện thuộc Thuận thứ vãng sanh, còn nguyện thứ 20 là nguyện thuộc Thuận hậu vãng sanh.

⁹⁶ Họ lập ra những lý thuyết riêng hoàn toàn khác với bản nghĩa của Tịnh độ tông.

đồng tu. Đây là dấu hiệu của việc chán bỏ thế gian. Nên hiểu điều này một cách đầy đủ.

Những kẻ khinh thường thiện tri thức, phỉ báng sư trưởng thì gọi là kẻ phỉ báng chánh pháp; những kẻ ngược đãi cha mẹ thì gọi là kẻ phạm năm tội vô gián. Chúng ta nên giữ khoảng cách với họ. Vì vậy, kể từ khi Thiện Thừa Phòng sống ở quận phía tây bắc⁹⁷ ngược đãi cha mẹ và vu khống tôi bằng nhiều cách khác nhau, Thiện Tín (Thân Loan) tôi không có tình cảm thân thiết với ông ấy và cũng không khuyến khích ông ấy đến gặp tôi. Những ai nghe tin Minh Pháp Phòng vãng sanh một cách thù thắng mà không noi gương ông đều không phải là bạn đồng hành của ông.

Người say rượu vô minh thì được khuyên nên say; người nghiện ba chất độc từ lâu thì được phép dùng nhiều chất độc hơn để tăng thêm khoái lạc, đó là một điều đáng thương xót. Người nghiện ba chất độc vẫn chưa hết nhiễm độc và người say rượu vô minh vẫn chưa tỉnh cơn say, cần phải biết điều này.

Trân trọng.

Thân Loan

(20) Cẩn thận với tam độc

Tôi đã nhận được tất cả các món quà từ những người khác nhau như đã liệt kê, và chuyến viếng thăm Kyoto của Minh Giáo Phòng thực sự được chào đón. Không có từ ngữ nào có thể diễn tả được lòng biết ơn của tôi. Mặc dù không phải là điều bất ngờ, nhưng việc Minh Pháp Phòng đạt được sự vãng sanh vẫn khiến tôi vô cùng hạnh phúc. Chắc chắn rằng tất cả tín chúng có chí nguyện cầu sanh Tịnh

⁹⁷ Quận phía tây bắc của thủ đô Thường Lục quốc (nay là Ishioka thuộc tỉnh Ibaraki).

độ ở Kashima, Namekata và các quận xa đều vui mừng về sự kiện đó. Tôi cũng đã biết rằng cư sĩ Hiratsuka⁹⁸ đã đạt được sự vãng sanh, và tôi cảm thấy điều gì đó vượt qua mọi ngôn từ. Tôi không thể diễn tả được điều đó tuyệt vời như thế nào. Mỗi người nên nhìn nhận rằng, mình chắc chắn sẽ đạt được sự vãng sanh Tịnh độ.

Dù là nói như thế, nhưng trong quá khứ, một số người nguyện vãng sanh đã không hiểu được pháp nghĩa, Ngày nay, ngay cả ở Kyoto và chư quốc cũng có những người không hiểu và lầm lạc, và tôi nghe nói có nhiều người như vậy ở đây. Trong số các đệ tử của Pháp Nhiên Thượng nhân, có người tự coi mình là học đồ xuất sắc, sau khi Thánh nhân diệt độ đến nay, đã thực hiện những thay khác nhau trong cách diễn đạt giáo lý, đưa ra những dị thuyết, khiến mình người cùng mê lầm, khiến tất cả đều phiền não.

Việc những người như các ông không đọc, không biết Thánh giáo, đã bóp méo lời dạy không phải là hiếm, nghe vài lời về “vãng sanh không chướng ngại” và hiểu lầm điều đó. Tất cả càng ngày càng lún sâu vào mê lầm, làm theo lời của Tín Kiến Phòng và những người không biết gì về giáo lý Tịnh độ, để rồi lún sâu vào ác kiến. Tôi rất buồn khi nghe điều này.

Trước đây, các ông không biết có Bản nguyện Di Đà, không xưng niệm A Di Đà Phật. Tuy nhiên, nhờ phương tiện của Đức Thích Ca Mâu Ni và Đức A Di Đà thúc đẩy, giờ đây các ông mới nghe đến Bản nguyện Di Đà. Từ vô thủy đến nay, chúng ta say rượu vô minh và chỉ nghiện ba chất độc tham dục, sân khuê, ngu

⁹⁸ Năm 1229, khi Thân Loan Thánh nhân đang viếng thăm Chân Lạc Tự (真樂寺) ở Kōzu, ông được một nhà sư khoảng 40 tuổi đến thăm. Tên ông ấy là Hiratsuka Nyudo Hōgū Zenmon (Bình Trùng Nhập Đạo Pháp Cầu Thiền Môn 平塚入道法求禪門). Ông từng là một samurai tên là Kawazu Saburo Nobuyuki (Hà Tân Tam Lang Tín 河津三郎信). Khi cha ông, Soga Juro Sukenari (Tăng Ngã Thập Lang Hựu Thành 曾我十郎祐成), báo thù cho cái chết của thân phụ, mẹ ông đang mang thai một đứa trẻ tên Yuwaka (Hựu Nhã 祐若), sau này trở thành Nobuyuki (Tín Chi 信之). Khi Yuwaka trưởng thành, được Minamoto no Sanetomo (Nguyên Thật Triều 源貫朝) trao cho trang viên Hiratsuka (Bình Trùng) và từ đó lấy tên của người tiên nhiệm. Hiratsuka, người đã tiếp xúc với những lời dạy của Thân Loan Thánh nhân tại Chân Lạc Tự ở Kōzu, đã nhận được pháp danh Zennenbo Ryogen (Thiện Niệm Phòng Liễu Nguyên 善念房了源) và trở thành một vị đạo sư, đệ tử trực tiếp của Thân Loan. Ông là người khai sơn Thiện Phúc Tự (善福寺) ở Oiso (Đại Kỳ 大磯), Naka (Trung Quận 中郡), tỉnh Kanagawa (Thần Nại Xuyên 神奈川). Ông viên tịch vào năm 1251, thọ 82 tuổi.

si, nhưng từ khi bắt đầu nghe được Bản nguyện của Đức Phật, chúng ta đã dần dần tỉnh ngộ khỏi cơn say vô minh, dần dần từ bỏ ba chất độc, và luôn luôn thích dùng thuốc của Đức Phật A Di Đà.

Ngược lại, thật đáng thương khi những người chưa hoàn toàn tỉnh ngộ khỏi cơn say lại được thúc giục say hơn nữa, và những người vẫn còn trong vòng vây của chất độc lại được khuyến khích uống thêm thuốc độc nữa. Thật đáng buồn khi nhượng bộ những xung lực với lý do rằng, bản chất của con người là sở hữu những đam mê mù quáng – để bào chữa cho những hành động không nên thực hiện, những lời nói không nên thốt ra và những suy nghĩ không nên nuôi dưỡng – và nói rằng, người ta có thể theo đuổi ham muốn của mình theo bất kỳ cách nào. Giống như việc mời thêm rượu trước khi người đó tỉnh táo hoặc thúc giục họ uống thêm thuốc độc trước khi chất độc giảm đi. “Đây là thuốc, vì vậy hãy uống tất cả thuốc độc mà bạn thích”⁹⁹ – những lời như thế này không bao giờ nên được nói ra.

Ở những người từ lâu nghe bản nguyện của Đức Phật và niệm Phật, họ chắc chắn có những chỉ dấu chán bỏ điều ác của thế gian này và những biểu hiện mong muốn đoạn trừ điều ác nơi bản thân. Những ai lần đầu tiên nghe bản nguyện của Đức Phật A Di Đà đều nhận thức được sự tà ác trong thân và tâm của mình, họ lo nghĩ, “Làm sao được vãng sanh nếu thân tâm tôi như thế này?” Sau khi nghe điều này, “Thân thể dù đầy đủ phiền não, bất kể tâm thiện ác ra sao, chắc chắn sẽ được đón chào,” thì đức tin vào bản nguyện của Đức Phật A Di Đà của người đó sâu sắc đến mức họ thực sự chán ghét điều ác nơi bản thân, đau khổ trước sự lưu chuyển sanh tử.¹⁰⁰ Người thâm tín vào bản nguyện của Đức Phật A Di Đà thì cũng ưa

⁹⁹ Đối với dị thuyết “Vãng sanh vô chướng”, Thân Loan Thánh nhân dạy rằng cách hiểu khuyến khích con người cố tình tạo ra điều ác cũng giống như nói rằng người ta nên sẵn sàng uống thuốc độc vì có sẵn thuốc giải hiệu nghiệm (Không thể vì có thuốc mà thích độc [bất khả nhân hữu dược nhi hảo độc 不可因有藥而好毒]), và cách hiểu này là sai. Xem Thán Dị Sao, chương 13.

¹⁰⁰ Những người niệm Phật thâm tín vào sự cứu độ của Phật nguyện thì tự nhiên tâm trí họ cảm thấy đau buồn và xấu hổ về những tội lỗi mà mình đã phạm. Thân Loan Thánh nhân tự nói với chính mình: “Tôi nên xấu hổ, tôi đáng bị tổn thương.” Thân Loan Thánh nhân nói về “lắng nghe và chữa lành” như một phần của cách sống với tín tâm. Chính xác là vì cách sống với tín tâm là “chữa lành” những “tổn thương” của bản thân đã nhận thức được ảo tưởng

thích chấp trì danh hiệu của Ngài. Nếu một người sẵn sàng “không khởi tâm ác, không làm việc ác theo dục vọng của mình một lần nào nữa”, thì đó là biểu hiện của sự chán bỏ thế gian.

Khi nghe điều này, tín tâm của một người vào Đức Phật đã trở nên sâu sắc. Người đó sẽ ghé tởm một bản ngã như vậy và than thở về sự tồn tại liên tục trong sanh tử; và một người như vậy sau đó hoan hỷ xưng niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, giao phó hoàn toàn bản thân mình cho Bản nguyện.

Hơn nữa, tín tâm vào sự vãng sanh Tịnh độ được phát khởi từ sự khuyến hóa của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A Di Đà. Nếu một người đã phát tín tâm chân thật, dù chưa thoát khỏi phiền não, làm sao tâm người đó có thể giống như khi chưa tin?

Có những lời đồn về sự hành xử xấu ác trong số những người niệm Phật. Tôi nghe nói họ phỉ báng thầy tổ, khinh thường thiện tri thức, xúc phạm bạn đồng hành; những lời đồn như vậy thật đáng buồn đau. Đã là kẻ phỉ báng chánh pháp, là kẻ phạm tội ngũ nghịch thì không được giao du với họ.¹⁰¹

và sự không chân thật của chính mình thông qua việc “lắng nghe Phật Pháp”. Quá trình “hoàn thiện con người”, trong đó sự hoàn thiện của sự tồn tại của chính mình được “chữa lành” và người ta trở thành “một con người là một với Đức Phật”, được mô tả như là cách sống của tín tâm. Đây là một cách sống không phải là đạo đức hay luân lý, mà là một cách sống của đức tin.

¹⁰¹ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sanh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), No. 1819, Đàm Loan chú giải, quyển thượng, tr. 834a14: “Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ có nói, ‘Người nguyện sanh về nước ấy đều được vãng sanh, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp’. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói, ‘Ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện, cũng được vãng sanh’. Hai kinh này, phải được hiểu như thế nào?”

Đáp: Một kinh nói đủ hai thứ trọng tội: một là, ngũ nghịch; hai là, phỉ báng chánh pháp; bởi vì hai thứ tội này mà không được vãng sanh. Một kinh chỉ nói tạo các tội thập ác, ngũ nghịch, không nói phỉ báng chánh pháp; bởi vì không phỉ báng chánh pháp cho nên được sanh.

Hỏi: Giả sử một người có đủ năm tội nghịch, mà không phỉ báng chánh pháp, kinh chấp thuận ‘được sanh’. Lại có một người chỉ phỉ báng chánh pháp, không có năm tội nghịch, mà nguyện vãng sanh thì có được sanh hay không?

Đáp: Nếu mà phỉ báng chánh pháp, dù không có tội khác, chắc chắn không được sanh. Tại sao nói như vậy? Kinh nói: người ngũ nghịch tội thì đọa đại địa ngục A-tỳ, chịu đủ một kiếp trọng tội. Người phỉ báng chánh pháp thì đọa đại địa ngục A-tỳ, hết kiếp này lại chuyển đến đại địa ngục A-tỳ ở phương khác, cứ thế triển chuyển qua trăm ngàn đại địa ngục A-tỳ. Phật không xác nhận khi nào được thoát ra, bởi vì phỉ báng chánh pháp là tội cực trọng. Lại nữa, chánh pháp tức là Phật pháp. Người ngu si này đã sanh phỉ báng, thì đâu có lý nào nguyện sanh cõi Phật. Giả sử chỉ tham sự an lạc cõi kia mà nguyện sanh, thì cũng như mong băng không phải nước, mong lửa không có khói, đâu có lý ấy.

Hỏi: Những tướng gì là phỉ báng chánh pháp?

Tịnh Độ Luận Chú nói rằng, những tư tưởng như vậy¹⁰² khởi lên bởi vì họ không có niềm tin vào Phật pháp. Hơn nữa, khi giải thích “Chí thành tâm”, luận ấy dạy rằng, người tu nên cẩn thận tránh xa những người thích làm điều ác như vậy.¹⁰³ Đúng hơn, luận dạy chúng ta nên gần gũi và kính trọng các bậc thiện tri thức và các bạn đồng hành.

Về việc thân cận với những người làm điều ác, chỉ sau khi chúng ta vãng sanh Tịnh độ và trở về để làm lợi lạc cho chúng sanh, chúng ta mới thân cận với họ. Tuy nhiên, đó không phải là sự kè đặc của riêng chúng ta, chỉ là nương tựa bản nguyện cứu độ của Đức Phật A Di Đà, chúng ta mới có thể nhậm vận tự tại. Nhưng tại thời điểm này, thân phàm phu bị trói buộc bởi ác nghiệp, chúng ta có thể làm gì? Xin suy xét điều này thật cẩn thận.

Vì tâm nguyện sanh Cực Lạc vững chắc như kim cương được phát khởi nhờ sự hoạt dụng của Đức Phật, làm sao người có được Kim cương tâm lại phỉ báng thầy tổ của mình hoặc kính thường những bậc thiện tri thức?

Xin vui lòng đọc lá thư này tới những người có cùng chí nguyện với chúng ta ở Kashima, Namekata, Minamino¹⁰⁴ và bất kỳ khu vực nào khác.

Trân trọng. Trân trọng.

Kiến Trường năm thứ 4, ngày 24 tháng Hai

Đáp: Nếu nói không Phật, không pháp Phật, không Bồ tát, không pháp Bồ tát, những cái thấy như vậy, hoặc tâm tự hiểu, hoặc nghe lời người khác, tâm ấy quyết định, đều gọi là phỉ báng chánh pháp.

Hỏi: Những suy nghĩ như thế chỉ là việc riêng, đối với chúng sanh có khổ não gì mà hơn cả ngũ nghịch trọng tội?

Đáp: Nếu không có chư Phật, Bồ tát thuyết thiện đạo thế gian và xuất thế gian để giáo hóa chúng sanh, thì đâu biết có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín? Như vậy, tất cả thiện pháp thế gian đều đoạn, tất cả hiền thánh xuất thế gian đều diệt. Ông chỉ biết ngũ nghịch tội là nặng, mà không biết ngũ nghịch tội do không có chánh pháp mà sanh ra. Cho nên kẻ phỉ báng chánh pháp, tội ấy nặng nhất.”

¹⁰² Phỉ báng chánh pháp và phạm tội ngũ nghịch.

¹⁰³ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (觀無量壽佛經疏), quyển 2, Tán thiện nghĩa: “Đối với người chẳng có thiện nghiệp thì kính trọng nhưng không gần gũi, cũng không tùy hỷ.”

¹⁰⁴ Nam Trang (南庄): Phần phía nam của huyện Niihari, tỉnh Ibaraki ngày nay.

Thân Loan

(21) Vãng tướng hồi hướng

Khi một người đã hoàn toàn nhập vào Tịnh độ An Lạc, người đó sẽ “chứng đại Niết bàn”, cũng nói “ngộ Vô thượng giác”, cũng nói “ắt đến Diệt độ”. Mặc dù các thuật ngữ khác nhau, tất cả đều có nghĩa là chánh nhân mở ra sự giác ngộ của Đức Phật, tức là Pháp thân. Là chánh nhân cho sự chứng ngộ này, Bồ tát Pháp Tạng đã ban cho chúng ta thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà, đó được gọi là “Vãng tướng hồi hướng”. Thệ nguyện hồi hướng này được gọi là “Niệm Phật vãng sanh nguyện”¹⁰⁵. Nhất hướng tin tưởng “Niệm Phật vãng sanh nguyện” này mà không có hai tâm, thì gọi là “Nhất hướng chuyên tu”. Nói “Hai thứ hồi hướng của Như Lai”, là tin tưởng hai thứ hồi hướng này¹⁰⁶ mà không có hai tâm, và gọi đó là “Tín tâm chân thật”. Xin hãy biết rằng, tín tâm chân thật này phát khởi là nhờ hoạt dụng của hai Thế Tôn, Thích Ca Mâu Ni và A Di Đà.

Trân trọng.

[Ngày 25 tháng Hai]

Thân Loan

¹⁰⁵ Nguyện thứ mười tám: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương ‘chí tâm tin ưa’ muốn sanh về nước tôi, nhân đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác”, được gọi là “Chí tâm tin lạc nguyện”, là “Niệm Phật vãng sanh nguyện”, cũng là “Thập niệm tất sanh nguyện”.

¹⁰⁶ Môn Tịnh độ lập ra hai thứ hồi hướng: (1) Vãng tướng hồi hướng (nguyện đem công đức đã tu hồi hướng đọa Bồ đề để được sanh về Tịnh độ); (2) Hoàn tướng hồi hướng (nguyện sau khi thành Phật trở lại đường sanh tử, giáo hóa hết thảy chúng sanh). Nhưng, Tịnh độ Chân tông thì chủ trương, chỉ cần một niềm tin chí thành, tha thiết là hai thứ hồi hướng trên đều do Đức Phật A Di Đà hồi hướng cho người tu hành, chứ người tu hành thì không cần phải hồi hướng, nên gọi là Bất hồi hướng. Bất hồi hướng là pháp tha lực, hiển bày chỗ cùng tột của tha lực. Thế nên, niệm Phật tha lực (tuyệt đối tin tưởng vào sự cứu độ của Đức Phật A Di Đà) gọi là hạnh Bất hồi hướng.

[Trả lời Tịnh Tín Phòng]

(22) Phi hành phi thiện

Kinh Bảo Hiệu¹⁰⁷ nói: “Bản nguyện Di Đà là chẳng phải hành, chẳng phải thiện, mà chỉ là chấp trì danh hiệu của Đức Phật.”¹⁰⁸ Danh hiệu của Đức Phật chính là thiện, chính là hành, Nói ‘hành’ có nghĩa là ‘tác thiện’ vậy. Đã biết rằng, bản nguyện vốn là thệ ước của Đức Phật, thì đó không phải là thiện, cũng không phải là hành, đó là tha lực.

Danh hiệu của bản nguyện là nhân năng sanh. Nhân năng sanh chính là cha. Quang minh của đại bi là duyên sở sanh. Duyên sở sanh chính là mẹ.

Ngũ Ngốc Thân Loan

¹⁰⁷ Kinh Bảo Hiệu không tồn tại trong Đại chánh tạng. Trong Di Đà Kinh Nghĩa Tập, được cho là Đại sư Thiện Đạo trước tác, có viết: “Lại nữa, Kinh Bảo Hiệu Vương có nói, chẳng phải hành chẳng phải thiện, chỉ nắm giữ danh hiệu Đức Phật mà sanh địa vị Bất thoái.”

¹⁰⁸ Giáo Hành Tín Chứng, Tín quyển: “Khi suy ngẫm về biển cả ‘đại tín’, thì không xét sang hèn tăng tục, không nói nam nữ già trẻ; không hỏi tạo tội nhiều ít, không kể tu hành lâu mới, chẳng hành chẳng thiện, chẳng đốn chẳng tiệm, chẳng định chẳng tán, chẳng chánh quán chẳng tà quán, chẳng hữu niệm chẳng vô niệm, chẳng tầm thường, chẳng lâm chung, chẳng đa niệm chẳng nhất niệm, chỉ là ‘tín lạc’ bất khả tư nghị, bất khả xưng, bất khả thuyết vậy. Giống như thuốc A-già-đà diệt trừ mọi chất độc, thuốc ‘Như Lai thệ nguyện’ diệt trừ cái độc hại của trí ngu.” Đây là Tứ bất thập tứ phi (四不十四非), dụng ngữ của Tịnh độ Chân tông, ca ngợi công đức của tín tâm vào tha lực của Đức Phật A Di Đà. Thán Dị Sao, chương 8: “Niệm Phật, là đối với “hành” mà nói, nó chẳng phải hành, chẳng phải thiện. Không đem sở hành của mình mà phân biệt, nên nói ‘chẳng phải hành’. Không lấy điều thiện đã làm mà kể đặc, nên nói ‘chẳng phải thiện’. Đó hoàn toàn là tha lực, bởi vì rời xa tự lực. Đối với “hành” mà nói, niệm Phật chẳng phải hành, chẳng phải thiện.”

Lời cuối

Chánh Khánh năm thứ hai, ngày 25 tháng 4 năm Quý Mậu, phía Tây sông Áp Lô, bên cạnh Phụng Hoàng cung, giữa nơi lữ hành tạm thời, tôi kính cẩn kết thúc công việc viết lách của mình.

Ngày trước tôi đã chọn lấy ba hoặc bốn văn bản, khi tập hợp lại thì bày tỏ lòng kính trọng đối với một hoặc hai bản trong số đó. Niên hiệu trước sau không giống và ngày tháng cũng nhầm lẫn khác nhau. Tôi sửa chữa sai lệch của ‘năm tháng ngày giờ’; giữ nguyên thứ tự của ‘câu tác lữ linh’, rồi đối chiếu và biên tập. Bộ loại có 22 bức thư và bút tích không quá 68 trang. Sự thiếu thận trọng có thể bị chỉ trích rất nhiều! Có sợ có hãi, có kiêng có dè.

Những lá thư viết tay này là yết hầu của ‘niệm Phật thành Phật’, là con đường chân thật mở ra ‘chư môn siêu thắng’, là con mắt cho ‘ngu si ngu mê’, là bến bờ trọng yếu mà trường phái khác không thể luận bàn. Đệ tử nhuần Phật ý kia nơi đáy lòng, thêm sợ hiểm nạn của tự lực tu hành, đặt Thánh ứng này trong bàn tay, riêng nương uy đức của tha lực vãng sanh. Nỗi buồn và niềm vui đan xen, và nước mắt là thứ không thể kiềm chế được nhất.

Nhân ngày hữu duyên¹⁰⁹ với Tổ sư Hắc Cốc, chợt xong bút nghiên viết chép trong nhiều ngày, cũng là Phật sự đón tiếp các vị Thánh chôn này, trò chuyện về các phép tắc hòa giải nghĩa lý, mặt này mặt kia, không lường trước được.

¹⁰⁹ Duyên nhật (緣日): Gọi tắt của Hữu duyên nhật (ngày hữu duyên). Ngày mà Phật và Bồ tát có duyên với thế gian gọi là Duyên nhật, như: Ngày Bồ tát Di Lặc giáng sinh (mồng 1 tháng giêng Âm lịch), ngày Bồ tát Quan âm giáng sinh (ngày 19 tháng 2 Âm lịch), ngày đức Phật Thích Ca giáng sinh (mồng 8 tháng 4 Âm lịch), ngày Bồ tát Địa Tạng Vương giáng sinh (29 tháng 7 Âm lịch), ngày đức Phật A Di Đà giáng sinh (17 tháng 11 Âm lịch). Ở Nhật Bản thì Duyên nhật là chỉ cho ngày có nhân duyên đến cửa Phật, hoặc có nhân duyên với Phật và thần linh để định ngày tế lễ, cúng dường. Vào ngày này, dân chúng đến chùa hoặc đền thần để lễ bái. Duyên nhật thường là mỗi tháng một lần hoặc mỗi tháng vài lần, cũng gọi là Hương kỳ. Duyên nhật cũng chỉ cho những ngày lễ hội ở các chùa viện hoặc Đạo quán trong năm, như: Lễ hội Phật niết bàn, lễ hội tắm Phật, lễ hội thắp đèn Dược sư, lễ hội Vu lan bồn, ngày giỗ Tổ khai sơn v.v... Vào những ngày này, người ta tụ tập rất đông đảo nhộn nhịp ở các nơi vui chơi và đường phố. Phong tục này thịnh hành vào thời Đường, Tống ở Trung quốc, còn ở Nhật bản thì bắt đầu từ thời đại Liêm Thương. Lại có thuyết đem phối hợp 30 vị Phật và Bồ tát với 30 ngày: Mồng 1: Phật Định Quang. Mồng 2: Phật Nhiên Đăng. Mồng 3: Phật Đa Bảo. Mồng 4: Phật A Súc. Mồng 5: Bồ tát Di Lặc. Mồng 6: Phật Nhị Vạn Đăng. Mồng 7: Phật Tam Vạn

Nếu hai bậc Thầy định thương mà nạp thọ, thì vật chất nhỏ hòa hợp với tri kiến là tốt biết bao!

Trời cũng tối rồi, tôi chỉ mô tả ngắn gọn những hoài vọng thấp kém của mình.

Thích Tùng Giác

Đăng. Mồng 8: Dược Sư Như Lai. Mồng 9: Phật Đại Thông Trí Thắng. Mồng 10: Phật Nhật nguyệt đăng minh. Ngày 11: Phật Hoan hỉ. Ngày 12: Nan Thắng Như Lai. Ngày 13: Bồ tát Hư Không Tạng. Ngày 14: Bồ tát Phổ Hiền. Ngày 15: Phật A Di Đà. Ngày 16: Bồ tát Đà La Ni. Ngày 17: Bồ tát Long Thọ. Ngày 18: Bồ tát Quán Thế Âm. Ngày 19: Bồ tát Nhật Quang. Ngày 20: Bồ tát Nguyệt Quang. Ngày 21: Bồ tát Vô Tận Ý. Ngày 22: Bồ tát Thích Vô Úy. Ngày 23: Bồ tát Đại Thế Chí. Ngày 24: Bồ tát Địa Tạng. Ngày 25: Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Ngày 26: Bồ tát Dược Thượng. Ngày 27: Lô Xá Na Như Lai. Ngày 28: Đại Nhật Như Lai. Ngày 29: Bồ tát Dược Vương. Ngày 30: Thích Ca Như Lai.